

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH



KẾ HOẠCH CHIẾN LƯỢC
PHÁT TRIỂN TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH
GIAI ĐOẠN 2011 - 2020

Nghệ An, tháng 7 năm 2011

MỤC LỤC

	Trang
Lời nói đầu	4
Phần 1. Giới thiệu chung	6
1.1. Thông tin chung về Trường	6
1.2. Giới thiệu khái quát về Trường	
1.2.1. Các giai đoạn phát triển	6
1.2.2. Các lĩnh vực hoạt động	9
1.2.2.1. Về đào tạo	9
1.2.2.2. Về nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ	11
1.2.2.3. Về tổ chức và nhân sự	12
1.2.2.4. Về cơ sở vật chất	13
1.2.2.5. Về công tác kế hoạch - tài chính	14
1.2.2.6. Về hoạt động hợp tác quốc tế	14
1.2.3. Khen thưởng	15
Phần 2. Đánh giá hiện trạng	16
2.1. Về đào tạo	16
2.1.1. Điểm mạnh	16
2.1.2. Tồn tại	17
2.1.3. Cơ hội	17
2.1.4. Thách thức	18
2.2. Về nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ	19
2.2.1. Điểm mạnh	19
2.2.2. Tồn tại	19
2.2.3. Cơ hội	20
2.2.4. Thách thức	20
2.3. Về tổ chức và nhân sự	21
2.3.1. Điểm mạnh	21
2.3.2. Tồn tại	23
2.3.3. Cơ hội	23
2.3.4. Thách thức	24
2.4. Về cơ sở vật chất	24

2.4.1. Điểm mạnh	24
2.4.2. Tồn tại	24
2.4.3. Cơ hội	25
2.4.4. Thách thức	25
2.5. Về công tác kế hoạch - tài chính	25
2.5.1. Điểm mạnh	25
2.5.2. Tồn tại	26
2.5.3. Cơ hội	26
2.5.4. Thách thức	27
Phần 3. Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu	28
3.1. Sứ mạng	28
3.2. Tầm nhìn	28
3.3. Mục tiêu chiến lược	28
3.3.1. Về đào tạo	28
3.3.2. Về nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ	29
3.3.3. Về tổ chức và nhân sự	30
3.3.4. Về cơ sở vật chất	31
3.3.5. Về công tác kế hoạch - tài chính	32
Phần 4. Kế hoạch hành động giai đoạn 2011 – 2020	33

LỜI NÓI ĐẦU

Tính đến tháng 7 năm 2011, Trường Đại học Vinh vừa tròn 52 tuổi. Trải qua hơn nửa thế kỷ xây dựng và phát triển, Trường đã kiên trì nỗ lực phấn đấu, vượt qua mọi khó khăn, thử thách để giữ vững danh hiệu “Ngọn cờ hồng trên quê hương Xô-viết”. Từ một trường đại học đơn ngành, có nhiệm vụ đào tạo giáo viên các cấp có trình độ đại học và Sau đại học, Trường đã từng bước mở rộng ngành nghề đào tạo, phấn đấu trở thành một trường đại học đa ngành. Tháng 4 năm 2001, Trường được Thủ tướng Chính phủ quyết định đổi tên từ Trường Đại học Sư phạm Vinh thành Trường Đại học Vinh. Đến tháng 7 năm 2011, Thủ tướng Chính phủ đã đồng ý bổ sung Trường Đại học Vinh vào danh sách xây dựng thành trường đại học trọng điểm. Đây là cơ hội to lớn để Trường Đại học Vinh tiếp tục phát huy truyền thống anh hùng, xứng đáng với sự tin yêu, kì vọng của lãnh đạo Đảng, Nhà nước, của Bộ Giáo dục và Đào tạo, của cán bộ và nhân dân địa phương nơi Trường đóng.

Trong quá trình xây dựng và phát triển, Trường Đại học Vinh đã tiến hành xây dựng Kế hoạch chiến lược và Đề án quy hoạch xây dựng Trường trong từng giai đoạn, trong đó đáng chú ý là các Kế hoạch chiến lược và các Đề án sau đây:

- Kế hoạch chiến lược phát triển Trường Đại học Sư phạm Vinh giai đoạn 1999-2005 (tháng 6/1999);
- Kế hoạch chiến lược phát triển Trường Đại học Vinh giai đoạn 2001-2010 (tháng 2/2002);
- Đề án quy hoạch xây dựng Trường Đại học Vinh đến năm 2010 (tháng 12/2002);
- Dự thảo Kế hoạch chiến lược phát triển Trường Đại học Vinh giai đoạn 2006-2015 (tháng 3/2007);
- Đề án xây dựng và phát triển Trường Đại học Vinh thành trường đại học trọng điểm quốc gia (tháng 8/2008).

Để tiếp tục xây dựng và phát triển Trường Đại học Vinh trong giai đoạn mới, đặc biệt là để thực hiện Công văn số 1136/TTg-KGVX ngày 11/7/2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc bổ sung Trường Đại học Vinh vào danh sách xây dựng thành trường đại học trọng điểm, Nhà trường tiến hành xây dựng “**Kế hoạch chiến lược phát triển Trường Đại học Vinh giai đoạn 2011-2020**” với những nội dung chính sau đây:

Phần 1. Giới thiệu chung - Giới thiệu khái quát các giai đoạn phát triển quan trọng, các lĩnh vực hoạt động và những thành tựu của Nhà trường;

Phần 2. Đánh giá hiện trạng - Phân tích những điểm mạnh cơ bản, những tồn tại cần khắc phục; đồng thời đánh giá những cơ hội và thách thức mà Nhà trường đang đối mặt trên các lĩnh vực hoạt động;

Phần 3. Sứ mạng, Tầm nhìn, Mục tiêu - Tuyên bố sứ mạng, tầm nhìn đến năm 2020 và xây dựng mục tiêu chiến lược cho các lĩnh vực hoạt động của Nhà trường;

Phần 4. Kế hoạch hành động giai đoạn 2011-2020 - Cụ thể hóa các mục tiêu chiến lược bằng hệ thống các giải pháp, chỉ số giám sát, khung thời gian và nguồn tài chính để thực hiện.

Chủ trương và những định hướng cơ bản để xây dựng Kế hoạch chiến lược phát triển Trường Đại học Vinh giai đoạn 2011-2020 đã được đề ra tại Đại hội Đảng bộ Trường lần thứ XXX nhiệm kỳ 2010-2015 (tháng 5/2010). Đảng ủy và Ban Giám hiệu Nhà trường đã tích cực triển khai với quy trình chặt chẽ, khoa học thông qua các hội nghị, hội thảo góp ý hoàn thiện bản Kế hoạch chiến lược. Có thể nói, đây là lần đầu tiên Trường Đại học Vinh tiến hành xây dựng kế hoạch chiến lược trung hạn một cách công phu, bài bản, đã huy động được đông đảo cán bộ quản lý, các nhà khoa học, cán bộ, công chức, viên chức trong Trường tham gia với sự nhiệt tình và trách nhiệm cao. Kế hoạch chiến lược này là sự kết tinh trí tuệ và tinh thần tập thể, mang đậm nét truyền thống của Trường Đại học Vinh.

Nhân dịp này, Đảng ủy và Ban Giám hiệu Trường Đại học Vinh trân trọng cảm ơn các nhà quản lý, các nhà chuyên môn trong và ngoài trường đã đóng góp trí tuệ và công sức giúp Nhà trường xây dựng thành công bản Kế hoạch chiến lược này.

PGS. TS. NGŨT. Đinh Xuân Khoa
Bí thư Đảng ủy, Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh

Phần 1

GIỚI THIỆU CHUNG

1.1. Thông tin chung về Trường

Tên Trường:	Trường Đại học Vinh
Tên giao dịch tiếng Anh:	Vinh University
Bộ chủ quản:	Bộ Giáo dục và Đào tạo
Địa chỉ :	182 Lê Duẩn, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An
Số điện thoại:	(84 38) 3 855452
Số fax:	(84 38) 3 855269
E-mail:	info@vinhuni.edu.vn
Website:	www.vinhuni.edu.vn

1.2. Giới thiệu khái quát về Trường

1.2.1. Các giai đoạn phát triển

Ngày 16/7/1959, Bộ trưởng Bộ Giáo dục ký Nghị định số 375/NQ thành lập Phân hiệu Đại học Sư phạm Vinh. Ba năm sau đó, ngày 29/2/1962, Bộ trưởng Bộ Giáo dục ký Quyết định số 637/QĐ chuyển Phân hiệu Đại học Sư phạm Vinh thành Trường Đại học Sư phạm Vinh. Ngày 25/4/2001, Thủ tướng Chính phủ ký Quyết định số 62/2001/QĐ – TTg đổi tên Trường Đại học Sư phạm Vinh thành Trường Đại học Vinh. Hơn nửa thế kỷ xây dựng và phát triển, lịch sử Trường trải qua các giai đoạn cơ bản như sau:

** Giai đoạn 1959-1965: Từ Phân hiệu Đại học Sư phạm Vinh đến Trường Đại học Vinh, chặng đường đầu tiên*

Năm 1959, Phân hiệu Đại học Sư phạm Vinh được thành lập trực thuộc Bộ Giáo dục với vai trò như một trường đại học. Nhiệm vụ của Nhà trường là đào tạo giáo viên và cán bộ có trình độ đại học. Buổi đầu thành lập, Trường chỉ có 20 cán bộ công chức, tuyển sinh 158 sinh viên, được chia thành 2 ban cơ bản là Toán-Lý và Văn-Sử. Chương trình đào tạo được thiết kế 2 năm. Năm 1961, Trường mở thêm 3 ngành đào tạo: Vật lý, Hóa học và Sinh học. Năm 1962, Bộ Giáo dục quyết định chuyển Phân hiệu Đại học Sư phạm Vinh thành Trường Đại học Sư phạm Vinh. Từ năm 1964, theo chỉ thị của Bộ Giáo dục, Nhà trường xây dựng và thực hiện khung chương trình đào tạo 3 năm. Trong những năm 1963-1965, Trường đã được Nhà nước đầu tư xây dựng khá khang trang và hiện đại ở phường Hưng Bình, Thành phố Vinh. Từ 1959 đến 1965 đánh dấu sự vươn lên

từ phân hiệu trở thành một trường đại học sư phạm khá hoàn chỉnh, một cơ sở đào tạo giáo viên có uy tín và quen thuộc của khu IV nói riêng và miền Bắc xã hội chủ nghĩa nói chung.

** Giai đoạn 1965-1973: Trường Đại học Sư phạm Vinh trong những năm sơ tán*

Trước tình hình đế quốc Mỹ leo thang gây chiến tranh phá hoại ra miền Bắc ngày càng ác liệt và Thành phố Vinh trở thành một trọng điểm bị đánh phá, Trường Đại học Sư phạm Vinh buộc phải sơ tán để đảm bảo an toàn và tiếp tục nhiệm vụ đào tạo. Từ tháng 4/1965 đến tháng 4/1973, Trường đã sơ tán, đóng trên các địa bàn các huyện: Nghi Lộc, Thanh Chương, Quỳnh Lưu, Diễn Châu, Yên Thành (Nghệ An), Hà Trung, Thạch Thành (Thanh Hóa). Trường Đại học Sư phạm Vinh là trường phải sơ tán dài ngày, di chuyển qua nhiều địa điểm, chịu đựng gian khổ và thiệt hại nhất trong số các trường đại học của miền Bắc lúc bấy giờ. Nhiều thế hệ cán bộ, sinh viên của Nhà trường đã xếp bút nghiên lên đường làm nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc. Trong hoàn cảnh đó, Nhà trường vẫn tiếp tục “đạy tốt - học tốt”, mở rộng quy mô với việc thành lập khối Trung học phổ thông chuyên Toán (1966), Khoa đào tạo giáo viên cấp 2 (1967), Khoa Lịch sử (1968). Từ năm học 1969-1970, Nhà trường đào tạo theo chương trình 3 năm + 1. Giai đoạn 1965-1973, Trường đã đào tạo và công nhận tốt nghiệp cho 5333 sinh viên hệ đại học chính quy và 769 sinh viên hệ tại chức.

** Giai đoạn 1973-2001: Trường Đại học Sư phạm Vinh vượt qua khó khăn, từng bước mở rộng theo hướng đa ngành*

Tháng 5/1973, Trường trở lại Thành phố Vinh và tiến hành xây dựng lại cơ sở vật chất từ đầu. Tháng 9/1973, Trường khai giảng năm học mới đầu tiên tại Thành phố Vinh sau hơn 8 năm sơ tán. Trong hoàn cảnh cả nước dồn sức cho giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc (1973-1975) và những năm đầy gian khổ của đất nước sau khi kết thúc chiến tranh (1976-1986), Nhà trường vẫn kiên trì nỗ lực hoàn thành nhiệm vụ đào tạo, nghiên cứu khoa học, đồng thời còn chi viện và giúp đỡ cho các trường đại học sư phạm phía Nam. Từ năm học 1976-1977, Trường hoàn chỉnh chương trình đào tạo 4 năm và được giao nhiệm vụ bồi dưỡng Sau đại học. Năm 1986, đất nước bước sang thời kỳ đổi mới, Nhà trường có sự khởi sắc với việc được giao nhiệm vụ đào tạo nghiên cứu sinh (1990), thành lập các khoa đào tạo mới: Giáo dục chính trị (1986), Ngoại ngữ, Thể dục (1994), Giáo dục tiểu học (1995), Công nghệ thông tin (1996). Từ năm 1993, Trường là một trong những cơ sở đào tạo Sau đại học đầu tiên của cả nước

được cấp bằng thạc sĩ. Có thể nói, sự nỗ lực vươn lên trở thành một trường đại học sư phạm có uy tín vào loại bậc nhất của đất nước lúc bấy giờ là một thành tích đậm nét của Nhà trường. Trải trở tìm kiếm hướng phát triển mang tính đột phá, Đảng ủy, Ban Giám hiệu Nhà trường đã đề ra chủ trương và triển khai thực hiện việc mở rộng các ngành đào tạo ngoài sư phạm, với bước đi đầu tiên là liên kết để mở các ngành Kỹ sư Nuôi trồng thủy sản; Cử nhân Luật, Văn thư-Lưu trữ, Du lịch, Toán-Tin ứng dụng, Công nghệ thông tin, Xây dựng dân dụng và công nghiệp, Công nghệ thực phẩm... Năm học 1995-1996, Trường được giao nhiệm vụ đào tạo Kỹ sư Xây dựng dân dụng và công nghiệp, Kỹ sư Nuôi trồng thủy sản. Năm 1998, Trường được giao nhiệm vụ đào tạo cử nhân khoa học các ngành: Toán học, Vật lý, Hóa học, Sinh học, Ngữ văn, Lịch sử và Tin học. Việc đa dạng hóa ngành nghề đào tạo đã giúp Nhà trường có sự phát triển mạnh mẽ. Hoạt động nghiên cứu khoa học cũng được đẩy mạnh, cơ sở vật chất không ngừng được tăng cường. Quy mô của Nhà trường lên tới hơn 700 cán bộ công chức và 20.000 học sinh, sinh viên, học viên.

** Giai đoạn từ năm 2001 đến nay: Trường Đại học Vinh - bước phát triển mới*

Trước sự phát triển hiệu quả của Nhà trường, năm 2001, Chính phủ đã quyết định đổi tên Trường Đại học Sư phạm Vinh thành Trường Đại học Vinh. Trở thành trường đại học đa ngành, Nhà trường vẫn xác định sư phạm là ngành then chốt, đồng thời ưu tiên phát triển các ngành đào tạo đáp ứng nhu cầu xã hội, mở rộng hợp tác quốc tế, đẩy mạnh nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ phục vụ đào tạo và phát triển kinh tế - xã hội. Với việc mở rộng cơ cấu ngành nghề đào tạo, Trường đã thành lập các khoa đào tạo mới: Công nghệ, Nông Lâm Ngư (2002), Kinh tế, Địa lý (2003), Luật (2008), Xây dựng, Điện tử viễn thông (2010). Năm 2005, Phân hiệu Trường Đại học Vinh tại Hà Tĩnh được thành lập, đến năm 2006, phân hiệu này trở thành Trường Đại học Hà Tĩnh. Sau 47 năm đào tạo theo học chế niên chế, từ năm học 2007 - 2008, Trường Đại học Vinh đã chuyển sang phương thức đào tạo theo hệ thống tín chỉ. Năm 2009, Trường Mầm non thực hành trực thuộc Trường được thành lập. Năm 2010, Trường được phép mở Văn phòng đại diện tại Thành phố Hồ Chí Minh và tỉnh Thanh Hóa. Ngày 11/7/2011, Thủ tướng Chính phủ đã ký Công văn số 1136/TTg-KGVX về việc đồng ý bổ sung Trường Đại học Vinh vào danh sách các trường đại học xây dựng thành trường đại học trọng điểm quốc gia. Đây là sự ghi nhận và đánh giá cao của Chính phủ đối với sự phát triển vững mạnh, vai

trò và vị trí của Trường Đại học Vinh trong hệ thống giáo dục đại học quốc gia. Hiện nay, Trường có 18 khoa đào tạo đại học, 1 khoa đào tạo Sau đại học, 1 viện nghiên cứu, 1 nhà xuất bản, 1 Trường Trung học phổ thông Chuyên, 1 Trường mầm non thực hành, 32 phòng, ban, trung tâm, viện, trạm và 2 văn phòng đại diện tại Thành phố Hồ Chí Minh và tỉnh Thanh Hóa. Hiện tại Trường có cơ cấu ngành nghề và trình độ đào tạo khá phong phú, đa dạng, gồm 43 ngành đào tạo đại học, 10 chuyên ngành đào tạo tiến sĩ, 28 chuyên ngành đào tạo thạc sĩ. Về đội ngũ cán bộ, Trường Đại học Vinh hiện có 944 người, trong đó có 642 giảng viên. Đội ngũ giảng viên có trình độ từ tiến sĩ trở lên chiếm tỷ lệ 26,6% (trong đó có 54 giáo sư, phó giáo sư - chiếm tỷ lệ 8,4%; 117 tiến sĩ - chiếm tỷ lệ 18,2%); 328 thạc sĩ - chiếm tỷ lệ 51,1%; 4 giảng viên cao cấp, 133 giảng viên chính. Bên cạnh đội ngũ giảng viên cơ hữu, còn có hàng trăm nhà khoa học trong và ngoài nước tham gia đào tạo đại học và Sau đại học tại Trường.

1.2.2. Các lĩnh vực hoạt động

1.2.2.1. Về đào tạo

- *Bậc Sau đại học*

Trường Đại học Vinh là một trong những trường đại học được giao nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng Sau đại học sớm nhất cả nước (năm 1977). Từ năm 1990, Trường được giao nhiệm vụ đào tạo tiến sĩ. Từ năm 1992 được giao nhiệm vụ đào tạo cao học cấp bằng thạc sĩ. Trong 30 năm qua, Trường đã đào tạo 2.730 thạc sĩ và 98 tiến sĩ. Hiện nay, Trường đang đào tạo 28 chuyên ngành thạc sĩ, 10 chuyên ngành tiến sĩ với chỉ tiêu hàng năm gần 1.400 học viên. Trường còn liên kết với các trường đại học, viện nghiên cứu có uy tín đào tạo thạc sĩ các ngành thuộc lĩnh vực kinh tế, kỹ thuật... Tham gia đào tạo Sau đại học của Trường có 130 giáo sư, phó giáo sư, tiến sĩ của Trường và hơn 100 giáo sư, phó giáo sư, tiến sĩ khoa học của các trường đại học, viện nghiên cứu trong và ngoài nước.

- *Bậc đại học*

+ *Hệ chính quy*

Hiện nay, Trường đang đào tạo 43 ngành đại học hệ chính quy với chỉ tiêu tuyển sinh hàng năm trên 4.000. Trường được Bộ Giáo dục và Đào tạo giao nhiệm vụ đào tạo sinh viên cho nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào với chỉ tiêu hàng năm khoảng 400 sinh viên.

Ngoài ra, Trường còn đào tạo liên thông trình độ đại học, liên kết đào tạo với nước ngoài và đào tạo du học bán phần.

Từ năm 2007, Trường thực hiện đào tạo theo hệ thống tín chỉ. Toàn Trường đã có sự đổi mới về nhận thức, nội dung, chương trình, phương pháp dạy học; chuẩn bị tài liệu giáo trình và phương tiện kỹ thuật; xây dựng phần mềm quản lý đào tạo theo hệ thống tín chỉ.

Chương trình đào tạo của các ngành cung cấp cho sinh viên kiến thức rộng và kiến thức chuyên môn, đảm bảo tính liên thông của kiến thức đại cương chung và khối ngành. Khi xây dựng chương trình, Nhà trường đã tham khảo chương trình của các trường đại học trong và ngoài nước; ý kiến của các doanh nghiệp, cơ sở giáo dục và các nhà tuyển dụng. Đề cương chi tiết học phần được biên soạn đúng các bước quy định về hình thức, nội dung; cung cấp đầy đủ các thông tin cần thiết cho người học.

Nhà trường khuyến khích giảng viên tích cực biên soạn tài liệu, bài giảng phục vụ công tác dạy học. Từ năm 2005 đến nay, đã có hàng trăm giáo trình, hàng trăm học phần có bài giảng điện tử được biên soạn.

Việc tổ chức thi, kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của sinh viên được thực hiện đúng theo Quy chế đào tạo số 25/2006/QĐ-BGD&ĐT ngày 26/6/2006 và Quy chế đào tạo số 43/2007/QĐ-BGD&ĐT ngày 15/8/2007 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Phát huy thế mạnh về đào tạo các ngành sư phạm, hàng năm, Trường đã tổ chức học nghiệp vụ sư phạm và cấp chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm cho sinh viên hệ cử nhân khoa học chính quy và hệ vừa làm vừa học.

+ Hệ vừa làm vừa học

Nhà trường đào tạo đại học theo hình thức vừa làm vừa học đối với các ngành mà Trường có đào tạo hệ chính quy.

Nhà trường luôn chú trọng làm tốt công tác tuyển sinh và mở rộng địa bàn. Số sinh viên, học viên hệ vừa làm vừa học hiện nay là hơn 17.000 người.

Nhà trường tổ chức tốt quá trình đào tạo đối với hệ vừa làm vừa học, có sự phối hợp chặt chẽ với các cơ sở liên kết và được các cơ sở này đánh giá cao. Hàng năm Nhà trường tổ chức thi tốt nghiệp và cấp bằng đại học cho trên 3.000 sinh viên các ngành, đúng quy chế. Việc cấp bằng sớm, rút ngắn thời gian kể từ ngày thi tốt nghiệp đã được các đơn vị liên kết và sinh viên hoan nghênh.

- *Bậc trung học phổ thông*

Trường Trung học phổ thông Chuyên (tiền thân là Khối Trung học phổ thông chuyên Toán được thành lập từ năm 1966) hiện có 5 môn chuyên (Toán

học, Vật lý, Hoá học, Tin học, Tiếng Anh) với chỉ tiêu tuyển sinh hàng năm trên 500 học sinh.

Trường Trung học phổ thông Chuyên còn được giao nhiệm vụ bồi dưỡng, quản lý hệ đào tạo dự bị đại học cho sinh viên cử tuyển và sinh viên nước ngoài (Lào, Thái Lan, Trung Quốc...).

Đến nay, Trường đã có hàng chục nghìn học sinh tốt nghiệp trung học phổ thông. Chất lượng đào tạo của Trường đã được khẳng định qua tỷ lệ học sinh đậu đại học, cao đẳng hàng năm trên 90%, đã có hơn 130 học sinh đạt giải trong các kỳ thi học sinh giỏi quốc gia, 11 học sinh đạt giải trong các kỳ thi Olympic Toán quốc tế và Olympic Toán Châu Á - Thái Bình Dương.

- *Bậc mầm non*

Năm 2010, Trường Đại học Vinh đã chi 14,5 tỉ đồng để xây dựng Trường mầm non thực hành. Hiện nay Trường mầm non thực hành có 7 lớp, 30 cán bộ, công chức, viên chức, 225 cháu từ 2 đến 5 tuổi. Hoạt động của Trường mầm non thực hành đã đi vào nề nếp, được dư luận xã hội đánh giá cao.

1.2.2.2. Về nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ

Hoạt động khoa học công nghệ có nhiều tiến bộ cả về bề rộng và chiều sâu. Số đề tài cấp Nhà nước, cấp Bộ, cấp Trường, và đề tài theo nghị định thư tăng lên hàng năm (trong 5 năm gần đây đã triển khai hơn 1.100 đề tài khoa học các cấp). Trường đã có những biện pháp tích cực để đầu tư cho hoạt động khoa học công nghệ. Việc đăng ký, nghiệm thu, quản lý đề tài và cấp kinh phí được thực hiện có nề nếp và hiệu quả.

Trường luôn luôn quan tâm đến công tác xuất bản các ấn phẩm khoa học. Tạp chí Khoa học của Trường đã giấy phép xuất bản, mỗi năm ra 4 kỳ, 8 số với hình thức đẹp, chất lượng bài viết ngày càng tốt hơn và là ấn phẩm để trao đổi thường xuyên với các trường đại học, các viện nghiên cứu khác. Năm 2011, Trường cũng đã được Bộ Thông tin - Truyền thông cấp giấy phép thành lập Nhà xuất bản.

Hàng năm, Trường đều tổ chức các hội nghị, hội thảo khoa học cấp trường, khu vực, quốc gia và quốc tế. Từ năm 2005 đến năm 2010 đã có hơn 70 hội thảo khoa học các cấp được tổ chức, trong đó có nhiều hội thảo khoa học quốc tế. Nhiều ấn phẩm, công trình, tuyển tập nghiên cứu khoa học của cán bộ được biên tập, xuất bản. Hàng trăm công trình của cán bộ được đăng tải trên các tạp chí ở nước ngoài.

Việc gắn hoạt động nghiên cứu khoa học với chuyển giao công nghệ phục vụ phát triển kinh tế - xã hội đã có những kết quả bước đầu. Nhà trường tích cực tham gia các dự án khoa học - công nghệ thuộc diện hợp tác Chính phủ, các đề tài cấp Bộ, cấp Nhà nước, các dự án lớn của các tỉnh, ngành như: Dự án Giáo dục Đại học, Dự án phát triển giáo viên trung học phổ thông và trung cấp chuyên nghiệp.

Các chế độ quản lý khoa học, công nghệ, quản lý ngân sách, quyết toán kinh phí được thực hiện tốt. Trường đã hỗ trợ kinh phí để khuyến khích cán bộ giảng dạy có đề tài nghiên cứu khoa học, chú trọng vào các vấn đề đổi mới phương pháp giảng dạy, biên soạn tài liệu, giáo trình.

Hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên có chuyển biến rõ rệt. Nhiều khoa đã xây dựng thành phong trào của sinh viên và cán bộ trẻ. Số đề tài tham gia các hội nghị, hội thảo khoa học sinh viên và đạt giải sinh viên nghiên cứu khoa học của Bộ Giáo dục và Đào tạo, của Quỹ hỗ trợ sáng tạo kỹ thuật Việt Nam ngày càng tăng.

1.2.2.3. Về tổ chức và nhân sự

Nhà trường đã xây dựng và hoàn thiện chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị, tăng tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm cho các đơn vị, chấn chỉnh lề lối làm việc theo quy chế, bước đầu khoán tự chủ về tài chính cho một số đơn vị nhằm nâng cao hiệu quả lao động, tăng nguồn thu cho Nhà trường. Hệ thống các phòng, ban chức năng, các đơn vị đào tạo được kiện toàn và củng cố nhằm thực hiện tốt chức năng tham mưu cho lãnh đạo Trường.

Nhà trường đã thành lập Văn phòng đại diện tại thành phố Hồ Chí Minh và tỉnh Thanh Hóa.

Để tiếp tục đổi mới công tác quản lý nhà trường nhằm sớm thích ứng với sự phát triển kinh tế - xã hội, Trường đã ban hành nhiều văn bản về công tác tổ chức và cán bộ như: “Quy định về công tác tuyển chọn cán bộ”, “Quy định về trình độ ngoại ngữ của cán bộ giảng dạy”, “Quy định về thủ tục cử cán bộ đi học tập, nghiên cứu ở nước ngoài”, “Quy định đối với cán bộ, công chức, viên chức đi hợp tác khoa học ở nước ngoài”; qui định về tổ chức và hoạt động của các đơn vị mới thành lập. Trường đã ban hành nhiều chính sách mới nhằm tạo động lực cho cán bộ tích cực phấn đấu đạt thành tích xuất sắc trong giảng dạy và nghiên cứu khoa học.

Nhà trường đã giao quyền chủ động cho các khoa đào tạo trong việc tuyển chọn cán bộ giảng dạy, ưu tiên tuyển chọn giảng viên cho các khoa mới, ngành

mới. Có chủ trương ký cam kết với những sinh viên tốt nghiệp đại học loại giỏi trở lên đi học tiếp bằng đại học thứ 2 hoặc đi đào tạo cao học để tạo nguồn cán bộ. Đối với các khoa đào tạo đã có đội ngũ cán bộ giảng dạy tương đối mạnh thì chỉ tuyển chọn cán bộ có trình độ từ thạc sĩ trở lên. Nhờ vậy, Trường đã xây dựng đội ngũ cán bộ đủ về số lượng, đảm bảo chất lượng cho các lĩnh vực.

Nhà trường cũng tích cực thực hiện quy hoạch, xây dựng, đào tạo và bồi dưỡng cán bộ sớm đạt các tiêu chuẩn do Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định, đảm bảo tính kế thừa và liên tục giữa các độ tuổi. Đội ngũ cán bộ của Trường đang được trẻ hoá, nhiều cán bộ trẻ được bổ nhiệm làm cán bộ quản lý.

Nhà trường liên tục mở các lớp bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ; bồi dưỡng kiến thức về quản lý hành chính Nhà nước cho cán bộ hành chính, cán bộ trẻ; bồi dưỡng kiến thức quản lý nhà nước cho cán bộ quản lý và cán bộ thuộc diện quy hoạch nguồn; tổ chức nhiều đợt bồi dưỡng cho cán bộ, công chức, viên chức toàn Trường kiến thức về hội nhập quốc tế trên nhiều lĩnh vực như văn hoá, giáo dục, kinh tế, xã hội; nâng cao năng lực công nghệ thông tin và trình độ ngoại ngữ cho cán bộ. Hàng năm, Nhà trường cử các đoàn cán bộ đi bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ, tham quan, học hỏi kinh nghiệm quản lý của các cơ sở đào tạo ở trong và ngoài nước. Tích cực đào tạo thạc sĩ, tiến sĩ cho các đơn vị, trong đó ưu tiên cử cán bộ đi đào tạo ở nước ngoài nhằm nhanh chóng bổ sung nguồn nhân lực chất lượng cao cho Trường. Quan tâm bồi dưỡng năng lực nghiên cứu cho cán bộ, tạo điều kiện thuận lợi cho các nhà khoa học đầu ngành, các nhà khoa học trẻ đi trao đổi khoa học và giảng dạy ở các trường đại học trong và ngoài nước.

1.2.2.4. Về cơ sở vật chất

Hiện nay, tổng giá trị tài sản bao gồm nhà cửa, vật kiến trúc... của Trường vào khoảng 300 tỷ đồng. Đa số phòng học, phòng thí nghiệm, cơ sở nghiên cứu, thực hành... khang trang, hiện đại, đạt tiêu chuẩn kiểm định chất lượng. Hệ thống kỹ thuật hạ tầng, điện, nước, phương tiện vận tải, trang thiết bị điện tử, đồ gỗ trang bị nơi học tập, nghiên cứu đang được tiếp tục hoàn thiện.

Tổng diện tích đất được quy hoạch của Nhà trường hiện nay là 286,8 ha. Ngoài ra, Trường đang triển khai đầu tư xây dựng một số cơ sở phục vụ cho đào tạo, nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ ở một số địa phương trong và ngoài nước.

Về thiết bị, Nhà trường tập trung đầu tư có trọng điểm theo phương châm từng bước đồng bộ hoá, hiện đại hoá. Nhà trường chú trọng đầu tư thiết bị cho

các phòng thực hành, thí nghiệm phục vụ công tác NCKH, chuyển giao công nghệ. Toà nhà Trung tâm Thông tin - Thư viện có sức chứa 2.000 bạn đọc với đầy đủ trang thiết bị hiện đại, là một trong những thư viện có quy mô lớn trong khu vực Bắc Trung Bộ với gần 5 vạn tên sách, gần 1 triệu bản sách, báo, tạp chí, hàng vạn cơ sở dữ liệu điện tử toàn văn.

Công tác quản lý tài sản, công tác cải tạo, sửa chữa, duy tu, bảo dưỡng... được cải tiến về hình thức, nâng cấp về nội dung, triển khai đúng kế hoạch và đúng các quy định của Nhà nước và Nhà trường. Hệ thống cơ sở vật chất, điện, nước, phương tiện vận tải... được quản lý chặt chẽ, khai thác tối đa và điều hành linh hoạt, hiệu quả, đáp ứng tốt các yêu cầu hoạt động của Trường.

Trường đã thực hiện chủ trương khoán định mức kinh phí và giao quyền cho các khoa chịu trách nhiệm mua sắm mẫu vật, dụng cụ hoá chất, vật rẻ tiền mau hỏng, sửa chữa nhỏ... để các khoa chủ động đáp ứng yêu cầu đào tạo. Việc xây mới, nâng cấp, cải tạo, sửa chữa được tiến hành thường xuyên nhằm phục vụ tốt cho giảng dạy và học tập.

1.2.2.5. Về công tác kế hoạch - tài chính

Nhà trường thực hiện cơ chế điều hành ngân sách theo hướng công khai, bước đầu có sự phân cấp quản lý, tạo quyền chủ động cho các đơn vị, giảm bớt phiền hà trong thủ tục, thực hiện các chế độ chính sách kế toán mới. Công tác kiểm tra, tự kiểm tra tài chính được tiến hành thường xuyên; hàng quý, hàng năm đều có báo cáo trước các cuộc họp Hội đồng Nhà trường về tình hình kế hoạch - tài chính; sửa đổi, bổ sung Quy chế chi tiêu nội bộ; nghiên cứu các hình thức khoán phù hợp ở một số đơn vị để tiết kiệm, giảm chi và huy động tối đa nguồn lực để tăng nguồn thu cho Nhà trường. Tổng nguồn thu của Trường hàng năm khoảng hơn 100 tỷ đồng.

Nhà trường thực hiện tốt chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức, học sinh, sinh viên, đảm bảo quyền lợi của các đối tượng theo quy định của Nhà nước. Đảm bảo an toàn quỹ lương và phần lương tăng thêm cho cán bộ theo Nghị định số 43/2006/NĐ-CP của Chính phủ. Hàng năm, sau khi trang trải toàn bộ chi phí, nộp thuế và các khoản nộp khác theo quy định, đối với phần chênh lệch thu lớn hơn chi, Nhà trường trích lập các quỹ theo Nghị định số 43/2006/NĐ-CP của Chính phủ.

Nhà trường đẩy mạnh thực hành tiết kiệm trong mọi hoạt động. Tích cực triển khai công tác cải cách hành chính; phát huy lợi thế của hệ thống mạng LAN, Trang thông tin điện tử của Nhà trường để chuyển tải thông tin, gửi và

tiếp nhận văn bản nhằm tiết kiệm giấy, mực in và cước phí bưu điện. Tiết kiệm chi phí tổ chức hội nghị, hội thảo, mua văn phòng phẩm, báo, tạp chí...

1.2.2.6. Về hoạt động hợp tác quốc tế

Trường Đại học Vinh luôn luôn chú trọng đẩy mạnh hoạt động hợp tác quốc tế.

Một số dự án có đầu tư quốc tế được triển khai tại Trường như Dự án Giáo dục đại học do Ngân hàng Thế giới tài trợ, Dự án Giáo dục đại học do Chính phủ Hà Lan tài trợ, các dự án liên quan đến nghiên cứu xoá đói giảm nghèo được tài trợ bởi Chính phủ Canada và các tổ chức phi chính phủ như WUSC (Canada), Oxfam (Hồng Kông), Hà Lan, Đan Mạch...

Một số hội thảo khoa học quốc tế được tổ chức tại Trường. Nhiều cán bộ được cử đi đào tạo hoặc hợp tác nghiên cứu khoa học, làm việc ở nước ngoài.

Nhà trường thực hiện liên kết, phối hợp đào tạo với nhiều cơ sở giáo dục ở nước ngoài. Hiện nay, có khoảng 500 lưu học sinh Lào, Thái Lan, Trung Quốc đang học tập tại Trường. Một số chương trình hợp tác được triển khai với các trường đại học ở Hoa Kỳ, Ba Lan, Đức, Trung Quốc, Hàn Quốc, Thái Lan, Lào... Mỗi năm có hàng chục lượt chuyên gia nước ngoài tham gia giảng dạy, trình bày báo cáo khoa học tại Trường.

1.2.3. Khen thưởng

Tập thể Nhà trường, Đảng bộ, các đơn vị và cá nhân trong Trường đã được tặng nhiều phần thưởng cao quý như Huân chương Kháng chiến, Huân chương Lao động, Huân chương Độc lập, bằng khen, giấy khen, cờ thi đua, các danh hiệu: chiến sĩ thi đua toàn quốc, nhà giáo nhân dân, nhà giáo ưu tú... Đặc biệt, năm 2004, Trường được tặng danh hiệu Anh hùng Lao động trong thời kỳ đổi mới.

Phần 2

ĐÁNH GIÁ HIỆN TRẠNG

2.1. Về đào tạo

2.1.1. Điểm mạnh

- Trường Đại học Vinh là trường đại học đa ngành. Trường tổ chức đào tạo theo hệ thống tín chỉ từ năm học 2007-2008.
- Trường Đại học Vinh đã xây dựng hoàn chỉnh chương trình khung, chương trình chi tiết cho tất cả các ngành đào tạo đại học và Sau đại học trên cơ sở chương trình khung của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Chương trình đào tạo có mục tiêu rõ ràng, cụ thể; có nội dung hiện đại và cập nhật, được thiết kế hợp lý; định kì được điều chỉnh trên cơ sở khảo sát nhu cầu xã hội và tham khảo chương trình của các trường đại học trong và ngoài nước.
- Phương pháp giảng dạy được đổi mới theo hướng phát huy năng lực tự học, tự nghiên cứu của người học. Phương châm đào tạo của Trường là chuyển quá trình đào tạo thành quá trình tự đào tạo. Trường có qui định và tiêu chuẩn cụ thể về việc làm khóa luận, đồ án tốt nghiệp và nghiên cứu khoa học của sinh viên.
- Trường có hệ thống học liệu đầy đủ, đảm bảo việc tự học và mở rộng kiến thức của người học; hệ thống phòng thí nghiệm, phòng chuyên dụng, trại, xưởng thực hành đầy đủ.
- Công tác thực tập nghề nghiệp của sinh viên được tổ chức khoa học, bài bản, được các doanh nghiệp, cơ sở giáo dục đánh giá cao. Trường đã khẳng định được thương hiệu và có uy tín trong lĩnh vực đào tạo các ngành sư phạm.
- Phương pháp và qui trình đánh giá kết quả học tập của sinh viên đa dạng, đảm bảo tính khách quan, khoa học và công khai. Sinh viên được chủ động chọn thời điểm thi phù hợp với kế hoạch học tập của cá nhân. Kết quả học tập được lưu trữ an toàn, chính xác. Văn bằng tốt nghiệp và chứng chỉ học tập được cấp đúng qui định.
- Trường có ngân hàng đề thi của tất cả các học phần đào tạo đại học và đang xây dựng ngân hàng đề thi cho các học phần đào tạo Sau đại học. Trường sử dụng hình thức thi và kiểm tra trắc nghiệm khách quan trên máy tính cho các học phần có số lượng sinh viên dự thi đông (các học phần thuộc khoa học

Mác - Lênin, Tâm lí - Giáo dục học, Tin học, Ngoại ngữ...). Quá trình đánh giá kết quả học tập được tiến hành độc lập với quá trình tổ chức giảng dạy.

- Trường đã xây dựng và công bố chuẩn đầu ra các ngành đào tạo trình độ đại học hệ chính quy từ năm 2010.
- Đội ngũ giảng viên đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ với 51,1% giảng viên có trình độ thạc sĩ, 18,2% giảng viên có trình độ tiến sĩ. Tỷ lệ quy đổi sinh viên chính quy trên giảng viên là 22/1.
- 12 chương trình đào tạo giáo viên trung học phổ thông trình độ đại học của Trường đã thực hiện tự đánh giá và đăng kí đánh giá ngoài với Bộ Giáo dục và Đào tạo; Chương trình đào tạo kĩ sư xây dựng dân dụng và công nghiệp được xây dựng theo tiêu chuẩn quốc tế với sự tư vấn của chuyên gia Hà Lan; 2 chương trình đào tạo khác đang được xây dựng lại theo tiêu chuẩn quốc tế.
- Trường sử dụng phần mềm để tổ chức và quản lí quá trình đào tạo; Thông tin về các hoạt động luôn được cập nhật trên website của Trường. Sinh viên có thể đăng kí học, đăng kí thi, xem kết quả học tập, kế hoạch giảng dạy, chương trình đào tạo, qui chế đào tạo và các thông tin khác thông qua website của Trường và tài khoản cá nhân của mình.

2.1.2. Tôn tại

- Một số chương trình đào tạo của Trường chưa được kiểm định chất lượng, tính hội nhập còn thấp. Số học phần tự chọn trong mỗi chương trình còn ít nên tính linh hoạt chưa cao.
- Một số học phần chưa có giáo trình do giảng viên của Trường biên soạn. Việc cập nhật các thông tin khoa học của thế giới còn chậm. Nội dung chương trình đào tạo một số ngành còn bất cập so với sự phát triển của khu vực và thế giới.
- Phương pháp giảng dạy của giảng viên và phương pháp học tập của sinh viên chưa thật sự thích ứng với phương thức đào tạo theo hệ thống tín chỉ.
- Cách thức tổ chức quá trình đào tạo còn chưa thực sự phù hợp với phương thức đào tạo theo hệ thống tín chỉ.
- Việc khảo sát ý kiến của người học và người tuyển dụng chưa thường xuyên nên sự điều chỉnh nội dung, chương trình đào tạo để đáp ứng nhu cầu xã hội còn hạn chế.

2.1.3. Cơ hội

- Đại hội XI của Đảng đã đề ra chiến lược và chính sách phát triển đất nước trong giai đoạn mới, chủ động hội nhập kinh tế quốc tế, phấn đấu đến năm

2020 nước ta trở thành một nước công nghiệp theo hướng hiện đại. Muốn vậy, phải chú trọng nền kinh tế tri thức, nâng cao chất lượng đào tạo đại học và Sau đại học.

- Nhà nước đổi mới chính sách và cơ chế quản lý giáo dục đại học, trao quyền tự chủ và tự chịu trách nhiệm cho các trường đại học.
- Bộ Giáo dục và Đào tạo đã phê duyệt Đề án Xây dựng và phát triển hệ thống kiểm định chất lượng giáo dục đối với giáo dục đại học và trung cấp chuyên nghiệp giai đoạn 2011-2020 (Quyết định số 4138/QĐ-BGD&ĐT ngày 20/9/2010).
- Trường đã được Thủ tướng Chính phủ đồng ý bổ sung vào danh sách xây dựng thành trường đại học trọng điểm.
- Trường được sự quan tâm thường xuyên và sâu sắc của Bộ Giáo dục và Đào tạo, của lãnh đạo và nhân dân tỉnh Nghệ An và các tỉnh thuộc vùng Bắc Trung Bộ.
- Trường được giao nhiệm vụ đào tạo nguồn nhân lực cho nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào.
- Trường đã được đánh giá ngoài năm 2006 và được công nhận đạt tiêu chuẩn kiểm định cấp độ 2. Hầu hết các khoa đào tạo đã được đánh giá ngoài, một số chương trình đã tiến hành tự đánh giá. Kết quả kiểm định chất lượng trường đại học đợt đầu và kết quả tự đánh giá các chương trình đào tạo đại học sơ phạm là cơ hội để Trường có biện pháp khắc phục các điểm yếu nhằm không ngừng nâng cao chất lượng.
- Trường có văn phòng đại diện tại thành phố Hồ Chí Minh và tỉnh Thanh Hóa; đây là điều kiện thuận lợi để Trường mở rộng địa bàn đào tạo, đồng thời quảng bá thông tin về chất lượng và các chương trình đào tạo của Trường.
- Trường có quan hệ hợp tác đào tạo với nhiều nước như Thái Lan, Trung Quốc, Lào, Hoa Kỳ, Úc, Ba Lan, Hà Lan; Trường đang xây dựng Đề án thành lập Phân hiệu Trường Đại học Vinh tại nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào, tạo thuận lợi cho việc phát triển hợp tác quốc tế của Trường.
- Trường đóng trên địa bàn có truyền thống hiếu học, dân số đông, nhu cầu được đào tạo và nâng cao trình độ lớn nên nguồn tuyển sinh vào Trường khá dồi dào.
- Sinh viên tốt nghiệp Trường Đại học Vinh đáp ứng tốt nhu cầu của thị trường lao động khu vực Bắc Trung Bộ và cả nước.

2.1.4. Thách thức

- Yêu cầu của xã hội về chất lượng đào tạo ngày càng tăng, đặc biệt là trong giai đoạn nước ta gia nhập hoàn toàn vào Tổ chức Thương mại Thế giới.
- Trường Đại học Vinh là một trường đại học đa ngành nên tính cạnh tranh với các trường đại học chuyên ngành khác rất cao.
- Do chính sách mở cửa, các tổ chức giáo dục nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam nên sự cạnh tranh trong giáo dục đại học ngày càng gay gắt.
- Do phát triển từ một trường đại học sư phạm thành một trường đại học đa ngành nên nhiều ngành mới mở đội ngũ giảng viên có trình độ cao còn thiếu.
- Trường đóng trên địa bàn Nghệ An, là tỉnh có điều kiện kinh tế - xã hội phát triển chưa cao, điều kiện tự nhiên không thuận lợi, xa các vùng kinh tế lớn.

2.2. Về nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ

2.2.1. Điểm mạnh

- Hoạt động khoa học và công nghệ của Trường phát triển đa dạng và mạnh mẽ trên nhiều lĩnh vực: khoa học tự nhiên, khoa học kỹ thuật - công nghệ, khoa học xã hội và nhân văn, khoa học giáo dục. Số công trình nghiên cứu được đăng trên các tạp chí quốc tế có uy tín ngày càng tăng. Ngân sách Nhà nước cấp cho nghiên cứu khoa học của Trường năm sau cao hơn năm trước.
- Tạp chí Khoa học của Trường xuất bản đều đặn mỗi năm 4 kì, 8 số, là nơi để cán bộ giảng dạy, nghiên cứu sinh, học viên cao học đăng tải kết quả nghiên cứu khoa học. Tạp chí không ngừng nâng cao chất lượng, đã phát huy tốt vai trò vị trí của mình trong hệ thống tạp chí khoa học của các trường đại học, viện nghiên cứu trong nước.
- Trường đã tích cực hợp tác quốc tế trong nghiên cứu khoa học. Hầu hết các đơn vị nghiên cứu khoa học của Trường đều có hợp tác với các cơ sở nghiên cứu khoa học trong nước. Hàng năm trường tổ chức nhiều hội nghị, hội thảo khoa học quốc gia, quốc tế.
- Trường có thành tích cao trong phong trào sinh viên nghiên cứu khoa học, được nhận Bằng khen của Bộ Giáo dục và Đào tạo trong các năm 2006, 2008, 2009, 2010 và nhiều giải thưởng khác.
- Trường có chính sách động viên, khen thưởng cho cán bộ và sinh viên đạt kết quả cao trong nghiên cứu khoa học; hỗ trợ nghiên cứu sinh trong nghiên cứu khoa học thông qua các đề tài cấp trường.
- Trường đã có nhiều đổi mới trong việc đăng kí, quản lí, nghiệm thu, cấp phát kinh phí đề tài nghiên cứu khoa học.

2.2.2. Tồn tại

- Đội ngũ cán bộ khoa học có uy tín của Trường hầu hết đều ở độ tuổi cao. Chưa có nhiều nhà khoa học của Trường tham dự và báo cáo tại các hội thảo khoa học quốc tế.
- Nghiên cứu khoa học của Trường phát triển chủ yếu trong lĩnh vực khoa học cơ bản và khoa học giáo dục. Nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực khoa học kỹ thuật và nghiên cứu ứng dụng còn hạn chế do đội ngũ cán bộ của Trường ở các lĩnh vực này còn ít. Các đề tài nghiên cứu khoa học được triển khai ứng dụng vào sản xuất và đời sống chưa nhiều.
- Cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ nghiên cứu khoa học chưa đồng bộ. Thiết bị thí nghiệm thiếu và lạc hậu, hệ thống phòng thí nghiệm, chưa đồng bộ. Hiệu quả sử dụng thiết bị chưa cao.
- Khả năng huy động các nguồn tài chính ngoài ngân sách cho nghiên cứu khoa học còn thấp. Sự kết hợp với các doanh nghiệp trong nghiên cứu khoa học và ứng dụng khoa học công nghệ còn hạn chế.
- Số công trình được đăng trên các tạp chí quốc tế có uy tín còn ít và mới chỉ tập trung vào một số ngành khoa học tự nhiên.

2.2.3. Cơ hội

- Nhà nước đổi mới cơ chế quản lý hoạt động khoa học công nghệ và phân bổ kinh phí nghiên cứu khoa học theo năng lực, trình độ đội ngũ cán bộ, tạo điều kiện thuận lợi cho phát triển nghiên cứu khoa học.
- Là một trường đại học đa ngành, Trường có lợi thế trong việc tiến hành các đề tài liên ngành nhằm giải quyết các vấn đề kinh tế - xã hội, các lĩnh vực khoa học liên ngành.
- Trường có khoa Giáo dục, với đội ngũ cán bộ khoa học đông và vững vàng nên có điều kiện đẩy mạnh nghiên cứu khoa học giáo dục, đáp ứng nhu cầu phát triển giáo dục của nước nhà.
- Cùng với xu thế hội nhập của đất nước, các nhà khoa học của Trường có cơ hội giao lưu, hợp tác, trao đổi học thuật, liên kết nghiên cứu với các nhà khoa học, tổ chức nghiên cứu khoa học trên thế giới; đây là cơ hội giúp cho đội ngũ cán bộ khoa học của Trường nâng cao năng lực và trau dồi kiến thức.

2.2.4. Thách thức

- Đội ngũ cán bộ khoa học của các ngành mới mở phải cạnh tranh với các trường đại học chuyên ngành giàu truyền thống nghiên cứu khoa học.

- Nhu cầu xã hội về nghiên cứu khoa học kỹ thuật và nghiên cứu ứng dụng ngày càng cao trong khi đội ngũ cán bộ khoa học của Trường mới chỉ mạnh trong nghiên cứu khoa học cơ bản và khoa học giáo dục.
- Việc được đưa vào danh sách xây dựng thành trường đại học trọng điểm quốc gia đòi hỏi công tác nghiên cứu khoa học và quản lý khoa học của Trường phải hướng vào việc nâng cao chất lượng nghiên cứu, sức cạnh tranh và khả năng hợp tác.
- Hội nhập quốc tế đặt Trường trước những thách thức như sự biến đổi nhanh chóng của quá trình toàn cầu hóa, năng lực cạnh tranh và hội nhập quốc tế trong nghiên cứu khoa học...

2.3. Về tổ chức và nhân sự

2.3.1. Điểm mạnh

- Cơ cấu tổ chức của Trường Đại học Vinh thực hiện theo đúng Điều lệ trường đại học, phù hợp với đặc điểm, điều kiện kinh tế và văn bản pháp luật của Nhà nước qui định về tổ chức hoạt động của các cơ sở giáo dục đại học.
- Trường có văn bản qui định rõ chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị trực thuộc; có sự phân công trách nhiệm rõ ràng cho cán bộ lãnh đạo, cán bộ quản lý, giảng viên, nhân viên. Chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị và cá nhân được định kì rà soát, sửa đổi, bổ sung phù hợp với từng giai đoạn phát triển của Nhà trường.
 - Tổ chức Đảng, các đoàn thể trong Trường hoạt động đồng bộ và hiệu quả, đảm bảo nguyên tắc tập trung dân chủ nhằm hỗ trợ, tạo điều kiện thuận lợi và tăng hiệu quả cho các hoạt động đào tạo và nghiên cứu khoa học. Hàng năm, Trường được Bộ Giáo dục và Đào tạo tặng Bằng khen là đơn vị xuất sắc của Ngành.

Đảng bộ Trường Đại học Vinh luôn đóng vai trò hạt nhân lãnh đạo trong mọi hoạt động của Trường, là đảng bộ 13 năm liên tục (1998-2010) được Tỉnh ủy Nghệ An công nhận là đảng bộ cơ sở trong sạch, vững mạnh.

Công đoàn Trường Đại học Vinh hoạt động hiệu quả, thiết thực trong việc chăm lo đời sống cán bộ, công chức, đã được tặng Huân chương Lao động hạng Ba (2000), Huân chương Lao động hạng Nhì (2006), Bằng khen của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam, Công đoàn Giáo dục Việt Nam, Liên đoàn Lao động tỉnh Nghệ An.

Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh của Trường luôn là đội xung kích, đi đầu trong phong trào thanh niên của tỉnh Nghệ An và cả nước; góp

phần quan trọng trong giáo dục toàn diện cho học sinh, sinh viên của Trường, đã được tặng Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ (2004), Huân chương Lao động hạng Ba (2006).

Trường có Ban Thanh tra nhân dân, Phòng Thanh tra giáo dục, Trung tâm Đảm bảo chất lượng hoạt động thường xuyên nhằm giám sát, đánh giá mọi hoạt động của Trường và đề xuất các giải pháp để không ngừng nâng cao chất lượng các hoạt động của Trường.

- Trường có đội ngũ giảng viên đạt chuẩn về trình độ (18,2% là tiến sĩ, 51,1% là thạc sĩ), đáp ứng yêu cầu giảng dạy và nghiên cứu khoa học; có đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý có phẩm chất đạo đức và năng lực, giúp Nhà trường quản lý và tổ chức tốt các hoạt động đào tạo và nghiên cứu khoa học.
- Trường có chính sách khuyến khích, hỗ trợ đội ngũ cán bộ, giảng viên trau dồi kiến thức, nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ. Các qui định về quản lý và phát triển đội ngũ giảng viên, nhân viên của Trường rõ ràng, minh bạch, đáp ứng mục tiêu, chức năng, nhiệm vụ và phù hợp với điều kiện phát triển cụ thể của Trường.
- Trường có kế hoạch và phương pháp đánh giá khoa học đối với cán bộ, giảng viên thông qua khối lượng và hiệu quả công việc hoàn thành, thông qua việc lấy ý kiến của sinh viên về hoạt động giảng dạy của giảng viên và tiến tới lấy ý kiến của sinh viên về hoạt động của cán bộ quản lý. Trường tổ chức dự giờ thăm lớp các tiết đăng kí dạy mẫu của giảng viên và khuyến khích các tổ bộ môn dự giờ thăm lớp các giảng viên của tổ. Việc đánh giá cán bộ lãnh đạo, quản lý được tiến hành một cách công khai, minh bạch thông qua việc góp ý, bỏ phiếu tín nhiệm trong hội nghị cán bộ chủ chốt cuối năm.
- Đội ngũ kỹ thuật viên, nhân viên, giáo viên thực hành đủ về số lượng, có nghiệp vụ và được định kì bồi dưỡng nâng cao trình độ.

2.3.2. Tồn tại

- Do Trường không ngừng phát triển và mở rộng nên chức năng nhiệm vụ của một số đơn vị chưa được bổ sung, điều chỉnh kịp thời, còn có sự chồng chéo; công tác qui hoạch cán bộ còn chưa hoàn thiện.
- Một số ngành mới mở chưa có đủ giảng viên, phải mời thỉnh giảng. Một số bộ môn đang trong tình trạng hẫng hụt giảng viên do cán bộ nghỉ hưu, nguồn tuyển dụng khó khăn.
- Các bộ phận hướng nghiệp, tư vấn cho sinh viên và quan hệ doanh nghiệp mới được hình thành, chưa có kinh nghiệm; năng lực hoạt động còn hạn chế.

- Trình độ ngoại ngữ của cán bộ, giảng viên tuy đã được chú trọng bồi dưỡng trong nhiều năm qua nhưng chưa thực sự đáp ứng yêu cầu về giao tiếp, hợp tác với nước ngoài.

2.3.3. Cơ hội

- Chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước đối với giáo dục và đào tạo ngày càng được hoàn thiện phù hợp với thực tiễn, tạo điều kiện thuận lợi cho Trường đổi mới và phát triển. Chủ trương giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm cho các cơ sở giáo dục đã tạo điều kiện cho Trường chủ động qui hoạch cán bộ, phát triển nguồn nhân lực.
- Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XI (2011) đã lựa chọn phát triển nhanh nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao, là khâu đột phá của chiến lược phát triển kinh tế - xã hội từ nay đến năm 2020, đây cũng sẽ là một nhiệm vụ trọng tâm của Trường.
- Xu hướng hội nhập ngày càng mạnh mẽ đã tạo ra nhiều hoạt động giao lưu, trao đổi kinh nghiệm, hợp tác của Trường với các cá nhân và tổ chức giáo dục trong khu vực và thế giới. Qua đó, năng lực của đội ngũ cán bộ, đặc biệt là đội ngũ giảng viên được nâng cao.
- Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Chỉ thị số 296/CT-TTg ngày 27/2/2010 về đổi mới quản lý giáo dục đại học giai đoạn 2010-2012, xác định đổi mới quản lý giáo dục là khâu đột phá để tạo sự đổi mới toàn diện giáo dục đại học.
- Trường đã được Thủ tướng Chính phủ đưa vào danh sách các trường đại học xây dựng thành trường đại học trọng điểm quốc gia.

2.3.4. Thách thức

- Nước ta đã đạt thành tựu trên nhiều lĩnh vực nhưng nhìn chung vẫn trong tình trạng kém phát triển về kinh tế, giáo dục, khoa học công nghệ so với các nước trong khu vực và trên thế giới.
- Cơ chế mở cửa và hội nhập quốc tế đã tạo ra sự cạnh tranh trong giáo dục ngày càng cao.
- Thu nhập của nhà giáo còn thấp so với các ngành khác làm cho việc tuyển chọn người giỏi về Trường công tác gặp nhiều khó khăn, trong khi nhu cầu về cán bộ, giảng viên có trình độ cao ngày càng lớn.

2.4. Về cơ sở vật chất

2.4.1. Điểm mạnh

- Trường có đủ diện tích lớp học theo qui định, có kí túc xá cho người học, có đủ sân bãi cho các hoạt động văn hóa - văn nghệ, thể dục - thể thao, vui chơi,

giải trí. Phòng học, giảng đường, hội trường, phòng thí nghiệm được thiết kế theo tiêu chuẩn thiết kế trường học và được trang bị các thiết bị nghe nhìn. Trường có hệ thống phòng học trực tuyến hiện đại để dạy các học phần có số lượng người học lớn. Trường có 1 nhà thi đấu đa năng với diện tích 2.000 m², 1 sân vận động 24.000 m² và nhiều sân bóng đá mini.

- Ngoài 2 cơ sở giảng dạy lý thuyết, thí nghiệm với tổng diện tích trên 272 héc ta, Trường còn có 2 trại thực hành nông - lâm - ngư với tổng diện tích trên 13 héc ta.
- Trường có Trung tâm thông tin - thư viện được xây dựng và phát triển theo hướng chuẩn hóa, hiện đại hóa, có cơ sở vật chất và trang thiết bị hiện đại, có nguồn thông tin, dữ liệu đa dạng, cơ bản đáp ứng nhu cầu phục vụ đào tạo và nghiên cứu khoa học. Tài liệu trong thư viện đang dần dần được số hóa. Thư viện có kết nối với hệ thống thông tin thư viện trong nước và quốc tế.
- Trường có đủ phòng thực hành, thí nghiệm, phòng học chức năng, phòng học đa năng khá hiện đại và trang bị đầy đủ nhờ hưởng lợi từ các dự án: Giáo dục đại học, Phát triển giáo viên trung học phổ thông và trung cấp chuyên nghiệp, các chương trình mục tiêu.
- Trường có hệ thống máy tính đáp ứng yêu cầu đào tạo và nghiên cứu khoa học. Trường thực hiện quản lý đào tạo và quản lý Nhà trường bằng các phần mềm chuyên dụng. Từ năm 2010, Trường đã tích cực triển khai điện tử hóa các hoạt động của Nhà trường.

2.4.2. Tồn tại

- Quy mô phát triển của Nhà trường tăng nhanh trong khi khả năng trang bị cơ sở vật chất có hạn. Một số ngành đào tạo kỹ sư chưa có xưởng thực hành.
- Do hạn chế về ngoại ngữ nên việc khai thác nguồn tài nguyên điện tử ngoại văn chưa hiệu quả.
- Công tác giải phóng mặt bằng ở diện tích đất được quy hoạch còn chậm nên việc triển khai các công trình xây dựng mới bị chậm trễ. Hiện nay vẫn chưa có phòng làm việc cho các giáo sư, phó giáo sư, giảng viên cao cấp; chưa qui hoạch được khu hành chính tập trung.
- Hệ thống máy tính nhiều nhưng một số đã cũ nên tốc độ chậm, cấu hình thấp, không thể cài đặt các phần mềm ứng dụng mới.
- Kết cấu hạ tầng công trình chưa đồng bộ, vẫn phải sử dụng phòng học nhà cấp 4, một số thiết bị thí nghiệm quá cũ hoặc hư hỏng; các thiết bị điện tử

chưa được bảo quản đúng quy định như chưa có máy hút ẩm, máy điều hòa nhiệt độ.

- Tiến độ xây dựng cơ sở vật chất của Nhà trường còn chậm, chưa đáp ứng được nhu cầu phát triển.
- Kí túc xá của Trường mới chỉ đáp ứng 5% nhu cầu chỗ ở của người học.

2.4.3. Cơ hội

- Nhà nước đã có chủ trương ưu tiên đầu tư cho phát triển giáo dục và đào tạo.
- Trường đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An phê duyệt xây dựng cơ sở 2 trên diện tích 258 héc ta thuộc xã Nghi Ân (thành phố Vinh) và xã Nghi Phong (huyện Nghi Lộc). Trường sẽ chuyển các đơn vị đào tạo cán bộ khoa học - kĩ thuật, giáo dục quốc phòng... đến cơ sở mới. Trường sẽ đầu tư xây dựng các xưởng thực hành, trại thí nghiệm tại cơ sở 2 của Trường.
- Cơ chế tự chủ tài chính tạo cho Trường cơ hội tăng nguồn thu ngoài ngân sách để đầu tư nâng cấp cơ sở vật chất phục vụ cho đào tạo.
- Nhờ sự quan tâm của Bộ Giáo dục và Đào tạo, của chính quyền địa phương nên Trường được chú trọng đầu tư xây dựng.

2.4.4. Thách thức

- Trong hội nhập quốc tế, khả năng cạnh tranh của Trường là chất lượng đào tạo và nghiên cứu khoa học, điều này đòi hỏi cơ sở vật chất kĩ thuật phải được hiện đại hóa, tương xứng và đồng bộ.
- Trường Đại học Vinh trực thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo, khả năng kinh phí eo hẹp nên việc đầu tư cho Trường còn hạn chế so với yêu cầu phát triển. Mặt khác, Trường đóng trên địa bàn Nghệ An là một tỉnh nghèo nên sự hỗ trợ của địa phương về kinh phí cho xây dựng và phát triển của Nhà trường rất khó khăn.
- Khủng hoảng kinh tế toàn cầu và nhiều vấn đề xã hội đang ảnh hưởng đến nước ta, gây lạm phát cao, ảnh hưởng đến đầu tư xây dựng của Trường.

2.5. Về nguồn lực tài chính

2.5.1. Điểm mạnh

- Qua hơn 50 năm xây dựng và phát triển, Trường đã tích lũy được một nguồn vốn cố định về cơ sở vật chất lớn và vững chắc, đáp ứng được nhu cầu tối thiểu của các hoạt động đào tạo và nghiên cứu khoa học ở qui mô hiện tại.
- Được sự hỗ trợ của Bộ Giáo dục và Đào tạo, cùng với sự nỗ lực tạo nguồn kinh phí, Nhà trường có nguồn tài chính tương đối ổn định và tăng đều qua từng năm, đáp ứng nhu cầu các hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học,

trang bị, duy tu cơ sở vật chất và các hoạt động khác. Việc được thụ hưởng nhiều dự án của quốc gia và của các tổ chức quốc tế đã làm tăng đầu tư và hiện đại hóa cơ sở vật chất của Trường.

- Mức tự chủ tài chính, nguồn thu sự nghiệp (hàng năm tăng 5%) chiếm tỉ trọng ngày càng cao trong tổng nguồn thu của Trường. Hệ số tự chủ (mức tự đảm bảo chi phí hoạt động thường xuyên) của Trường tăng dần qua các năm, đạt trên 45% năm 2010.
- Trường đã xây dựng và hoàn thiện được hệ thống văn bản quản lí tài chính chặt chẽ, phù hợp với qui định của Nhà nước. Công tác quản lí và sử dụng nguồn tài chính ngày càng hợp lí, minh bạch và hiệu quả.
- Công tác lập kế hoạch tài chính hàng năm dần dần được chuẩn hóa, đầy đủ và sát với thực tế.

2.5.2. Tồn tại

- Nguồn tài chính cơ bản đảm bảo duy trì các hoạt động của Trường ở qui mô hiện tại, chưa đủ nguồn vốn cho đầu tư phát triển để đáp ứng nhu cầu đào tạo ngày càng cao và hiện đại.
- Qui mô tài chính chưa đủ để đầu tư chiều sâu, khai thác các thế mạnh đặc thù của Trường.
- Chưa khai thác triệt để tiềm năng vị thế của Trường để tăng nguồn thu từ nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ và các dịch vụ khác.
- Nguồn kinh phí dành cho đào tạo, bồi dưỡng cán bộ còn ít, chưa kích thích được đội ngũ cán bộ nâng cao trình độ chuyên môn, trình độ quản lí theo yêu cầu phát triển của Trường.
- Cơ chế tạo nguồn thu chưa thông thoáng, còn nhiều ràng buộc, chưa thực sự khuyến khích người dạy và người học.

2.5.3. Cơ hội

- Sự đổi mới cơ chế quản lí tài chính của Nhà nước tạo hành lang pháp lí thuận lợi cho các trường đại học khai thác hợp pháp các nguồn thu, quản lí và sử dụng hợp lí, minh bạch và hiệu quả các nguồn lực tài chính.
- Hội nhập quốc tế làm tăng cơ hội hợp tác và đầu tư quốc tế cho Trường.
- Cùng với sự phát triển kinh tế của đất nước, nhu cầu xã hội về đào tạo và chuyển giao công nghệ ngày càng cao, tạo ra nhiều dịch vụ mới cho Trường.
- Trường được đầu tư nhiều hơn do đã được Thủ tướng Chính phủ đưa vào danh sách các trường đại học xây dựng thành trường đại học trọng điểm quốc gia.

2.5.4. Thách thức

- Nguồn ngân sách Nhà nước cấp hiện tại chưa đáp ứng nhu cầu nâng cao chất lượng đào tạo và nghiên cứu khoa học của Trường, các dự án đầu tư trong và ngoài nước ngày càng hạn chế dần.
- Qui mô tài chính hiện tại của Trường chưa đáp ứng được yêu cầu đầu tư cho các đơn vị, các ngành mới.
- Một số thiết bị, cơ sở vật chất của Nhà trường đã quá cũ, cần được thay thế và xây mới. Điều kiện tài chính hiện tại của Trường mới đủ chi cho các hoạt động thường xuyên ở qui mô hiện tại.
- Nhu cầu về bồi dưỡng, đào tạo nguồn nhân lực có trình độ cao của Trường ngày càng lớn nhưng nguồn kinh phí cho hoạt động này có hạn.

Phần 3

SỨ MẠNG, TẦM NHÌN, MỤC TIÊU

3.1. Sứ mạng

Trường Đại học Vinh là cơ sở đào tạo đại học đa ngành cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao và thích ứng nhanh với thế giới việc làm; là trung tâm nghiên cứu khoa học, ứng dụng và chuyển giao công nghệ, phục vụ sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của khu vực Bắc Trung bộ và cả nước.

3.2. Tầm nhìn

Đến năm 2020, Trường Đại học Vinh trở thành trường đại học trọng điểm, có đội ngũ cán bộ đủ về số lượng, đảm bảo chất lượng, phù hợp về cơ cấu, có cơ sở vật chất đáp ứng với quy mô đào tạo 35.000 học sinh, sinh viên, học viên; phát triển một số hướng nghiên cứu khoa học mũi nhọn và một số ngành đào tạo theo chương trình tiên tiến; mở rộng và nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế; tăng cường khai thác các nguồn thu để chủ động về tài chính nhằm bảo đảm các hoạt động của Nhà trường.

3.3. Mục tiêu chiến lược

3.3.1. Về đào tạo

Đến năm 2020, Trường Đại học Vinh có quy mô và chất lượng đào tạo đáp ứng nhu cầu nhân lực ngày càng cao của sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội, tiếp cận trình độ tiên tiến trong khu vực và trên thế giới.

Mục tiêu 1: Phương thức đào tạo được đổi mới

Giải pháp 1.1: Đa dạng hóa các phương thức tổ chức đào tạo nhằm đáp ứng nhu cầu học tập của người học theo những chuẩn mực thích hợp.

Giải pháp 1.2: Thực hiện chế độ công nhận kết quả học tập của người học theo học phần, hoàn thiện phương thức đào tạo theo học chế tín chỉ.

Giải pháp 1.3: Đổi mới phương pháp dạy và học theo hướng phát triển năng lực tự học, tự nghiên cứu và làm việc nhóm của người học.

Giải pháp 1.4: Đa dạng hóa phương pháp và quy trình kiểm tra đánh giá, đảm bảo nghiêm túc, khách quan, chính xác, công bằng và phù hợp với phương thức đào tạo, hình thức học tập, đánh giá được mức độ tích lũy của người học về kiến thức chuyên môn, kỹ năng thực hành và năng lực phát hiện, giải quyết vấn đề.

Giải pháp 1.5: Thông báo công khai, kịp thời, lưu giữ đầy đủ, chính xác, an toàn kết quả học tập của người học. Cấp văn bằng tốt nghiệp và chứng chỉ

học tập theo đúng quy định.

Mục tiêu 2: Tăng cường các biện pháp hỗ trợ cải tiến nội dung, phương pháp dạy và học

Giải pháp 2.1: Tăng cường ứng dụng công nghệ hiện đại và kỹ thuật tiên tiến vào quá trình dạy học.

Giải pháp 2.2: Tăng cường nguồn học liệu; Biên soạn, nhập và biên dịch, xuất bản giáo trình; Lựa chọn sử dụng các giáo trình tiên tiến trên thế giới.

Giải pháp 2.3: Bổ sung trang thiết bị hỗ trợ giảng dạy ứng dụng các phương pháp tiên tiến.

Giải pháp 2.4: Bổ sung trang thiết bị thí nghiệm phục vụ quy trình đào tạo mới.

Mục tiêu 3: Mở thêm các ngành và các hệ đào tạo mới nhằm đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động

Giải pháp 3.1: Mở thêm các hệ đào tạo văn bằng 2, đào tạo từ xa, đào tạo liên thông nhằm đáp ứng nhu cầu nhân lực của khu vực và cả nước.

Giải pháp 3.2: Tăng cường, mở rộng đào tạo Sau đại học nhằm đáp ứng nguồn nhân lực trình độ cao cho xã hội.

Giải pháp 3.3: Tăng cường liên kết đào tạo quốc tế theo hình thức du học bán phần và toàn phần.

Giải pháp 3.4: Mở rộng nguồn tuyển theo nhu cầu xã hội, chú trọng các vùng kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có nhiều đồng bào dân tộc thiểu số; thực hiện các chế độ chính sách ưu tiên đối với học sinh, sinh viên dân tộc thiểu số nhằm tăng cường tỷ lệ học sinh giữa các vùng miền, tạo thêm cơ hội cho các đối tượng khó khăn.

3.3.2. Về nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ

Đến năm 2020, Trường Đại học Vinh trở thành trung tâm nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ, triển khai ứng dụng có uy tín. Hoạt động khoa học và công nghệ góp phần nâng cao chất lượng đào tạo, giải quyết những vấn đề thực tiễn, tăng nguồn thu cho Nhà trường.

Mục tiêu 1: Tăng nguồn lực và nâng cao hiệu quả hoạt động khoa học công nghệ. Nâng tỷ trọng nguồn thu từ nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ, phục vụ sản xuất lên 15% trong tổng nguồn thu của Trường

Giải pháp 1.1: Nâng cao năng lực nghiên cứu khoa học, tư vấn và triển khai ứng dụng của đội ngũ giảng viên.

Giải pháp 1.2: Hình thành một số hướng nghiên cứu mũi nhọn. Tạo điều

kiện để cán bộ trẻ, người học tham gia nghiên cứu khoa học. Khuyến khích công bố kết quả nghiên cứu trên các tạp chí khoa học quốc tế có uy tín.

Giải pháp 1.3: Tạo điều kiện để các nhà khoa học tham gia nghiên cứu, tư vấn và chuyển giao công nghệ. Đẩy mạnh hợp tác trong hoạt động nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ.

Giải pháp 1.4: Tăng cường đầu tư trang, thiết bị phục vụ nghiên cứu khoa học từ các nguồn đầu tư khác nhau.

Mục tiêu 2: Hướng hoạt động nghiên cứu khoa học vào nâng cao chất lượng đào tạo. Đẩy mạnh nghiên cứu khoa học cơ bản, khoa học ứng dụng, khoa học giáo dục

Giải pháp 2.1: Xây dựng thể chế, chính sách về nhiệm vụ nghiên cứu của giảng viên, chính sách thu hút cán bộ có trình độ cao từ các cơ quan bên ngoài tham gia công tác đào tạo và nghiên cứu khoa học ở Trường.

Giải pháp 2.2: Đẩy mạnh nghiên cứu khoa học giáo dục; khuyến khích nghiên cứu triển khai ứng dụng.

Giải pháp 2.3: Xây dựng chính sách phù hợp, tạo điều kiện để người học tham gia nghiên cứu khoa học.

Mục tiêu 3: Thiết lập được mối liên kết nghiên cứu giữa Nhà trường và khu vực sản xuất nhằm gắn kết đào tạo, nghiên cứu khoa học với thực tiễn, nâng cao hiệu quả phục vụ kinh tế - xã hội

Giải pháp 3.1: Xây dựng một số trung tâm nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ mạnh, tiến tới hình thành các doanh nghiệp khoa học và công nghệ trong Trường.

Giải pháp 3.2: Tăng cường đầu tư cho hoạt động nghiên cứu và chuyển giao công nghệ về các lĩnh vực: công nghệ thông tin - truyền thông, công nghệ sinh học, vật liệu mới...

3.3.3. Về tổ chức và nhân sự

Đến năm 2020, Trường Đại học Vinh trở thành trường đại học trọng điểm, có cơ cấu hợp lý, có đội ngũ cán bộ đủ về số lượng, đảm bảo chất lượng

Mục tiêu 1: Đẩy mạnh cải cách hành chính, đổi mới cơ chế quản lý

Giải pháp 1.1: Hoàn thiện cơ cấu tổ chức, nhân sự; xây dựng chức năng nhiệm vụ, quy trình giải quyết công việc, nguyên tắc phối kết hợp giữa các tổ chức và cá nhân để tạo sự năng động, đồng bộ và hiệu quả trong điều hành quản lý Nhà trường.

Giải pháp 1.2: Tiếp tục thực hiện dân chủ hóa nhà trường trên cả ba phương diện: hoạch định chính sách, tổ chức thực hiện, kiểm tra đánh giá.

Giải pháp 1.3: Đẩy mạnh cải cách hành chính, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý hành chính, hoàn thành xây dựng nhà trường điện tử nhằm nâng cao hiệu lực quản lý.

Mục tiêu 2: Xây dựng đội ngũ cán bộ quản lý, giảng viên và nhân viên có phẩm chất đạo đức tốt, có ý thức trách nhiệm và trình độ chuyên môn cao, có phong cách giảng dạy, làm việc chuyên nghiệp

Giải pháp 2.1: Có kế hoạch tuyển dụng, bồi dưỡng và phát triển đội ngũ giảng viên và nhân viên, quy hoạch bổ nhiệm cán bộ lãnh đạo, quản lý đáp ứng mục tiêu, chức năng, nhiệm vụ và phù hợp với điều kiện cụ thể của nhà trường; xây dựng quy trình, tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm rõ ràng, minh bạch.

Giải pháp 2.2: Đẩy mạnh dân chủ hóa nhà trường, thực hiện tốt các quyền và nghĩa vụ của đội ngũ cán bộ quản lý, giảng viên và nhân viên.

Giải pháp 2.3: Đẩy mạnh đào tạo, bồi dưỡng lí luận chính trị, phẩm chất đạo đức, năng lực quản lý, chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý.

Giải pháp 2.4: Xây dựng đội ngũ giảng viên cơ hữu đủ số lượng, đảm bảo chất lượng, phù hợp về cơ cấu để thực hiện chương trình đào tạo và nghiên cứu khoa học.

Giải pháp 2.5: Nâng cao trình độ chuyên môn, ngoại ngữ và tin học cho đội ngũ giảng viên, nhân viên nhằm đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ đào tạo và nghiên cứu khoa học.

Giải pháp 2.6: Có kế hoạch và phương pháp đánh giá khoa học hoạt động giảng dạy; chú trọng triển khai đổi mới phương pháp giảng dạy, phương pháp đánh giá kết quả học tập.

3.3.4. Về cơ sở vật chất

Xây dựng được hệ thống cơ sở vật chất, trang thiết bị đồng bộ, từng bước hiện đại đáp ứng quy mô đào tạo 35.000 học sinh, sinh viên, học viên vào năm 2020; Xây dựng và phát triển hệ thống thông tin thống nhất trong toàn Trường nhằm tin học hoá các hoạt động của Nhà trường.

Mục tiêu 1: Xây dựng được hệ thống cơ sở vật chất đồng bộ, từng bước hiện đại đáp ứng quy mô đào tạo 35.000 học sinh, sinh viên, học viên vào năm 2020

Giải pháp 1.1: Xây dựng quy hoạch tổng thể về phát triển và sử dụng cơ

sở vật chất của Trường đến năm 2020.

Giải pháp 1.2: Tiếp tục hoàn thiện việc đầu tư xây dựng cơ bản theo quy hoạch tổng thể của Trường để hình thành hệ thống giảng đường, nhà làm việc, ký túc xá, các công trình phụ trợ đồng bộ, đáp ứng quy mô đào tạo.

Mục tiêu 2: Tiếp tục hoàn thiện hệ thống trang thiết bị thực hành, thí nghiệm, hạ tầng kỹ thuật đáp ứng nhu cầu đào tạo và nghiên cứu khoa học; Xây dựng và phát triển hệ thống thông tin thống nhất trong toàn Trường nhằm tin học hoá các hoạt động của Nhà trường

Giải pháp 2.1: Xây dựng trung tâm thực hành - thí nghiệm với hệ thống trang thiết bị đồng bộ, hiện đại phục vụ đào tạo và nghiên cứu khoa học; ưu tiên xây dựng các phòng thí nghiệm cho các ngành đào tạo mũi nhọn: điện tử - tự động hóa, công nghệ thông tin, công nghệ vật liệu mới và xây dựng, công nghệ thực phẩm, sinh học...

Giải pháp 2.2: Xây dựng và phát triển hệ thống thông tin thống nhất trong toàn trường hướng tới các tiêu chí tiên tiến, đồng bộ và hiệu quả nhằm tin học hoá các hoạt động của Nhà trường.

Giải pháp 2.3: Hiện đại hoá hệ thống thiết bị dạy học phục vụ tốt công tác đào tạo.

Giải pháp 2.4: Hiện đại hoá Trung tâm Thông tin - Thư viện nhằm đáp ứng tốt nhu cầu của học sinh, sinh viên, học viên và giảng viên.

Giải pháp 2.5: Quản lý và sử dụng có hiệu quả hệ thống cơ sở vật chất – thiết bị.

3.3.5. Về công tác kế hoạch - tài chính

Mục tiêu: Tăng cường khai thác và đa dạng hoá các nguồn thu, nguồn lực đầu tư; đảm bảo tính kế hoạch, hiệu quả, minh bạch trong điều hành ngân sách

Giải pháp 1: Sử dụng hiệu quả nguồn đầu tư từ ngân sách nhà nước; nâng cao khả năng tự chủ về tài chính, tạo các nguồn tài chính hợp pháp, đáp ứng các hoạt động của trường.

Giải pháp 2: Chuẩn hóa, công khai hóa, minh bạch và tuân thủ các quy định về lập kế hoạch và quản lý tài chính.

Giải pháp 3: Đảm bảo sự phân bổ, sử dụng tài chính hợp lý, minh bạch và hiệu quả cho các đơn vị và các hoạt động của Trường.

Giải pháp 4: Hoàn thiện hệ thống văn bản quy định về quản lý và sử dụng tài chính chi tiết, rõ ràng, công khai, minh bạch.

Phần 4

KẾ HOẠCH HÀNH ĐỘNG GIAI ĐOẠN 2011 - 2020

Chiến lược / Mục tiêu / Giải pháp	Khung thời gian		Trách nhiệm		Chỉ số thực hiện	Nguồn tài liệu kiểm chứng	Tài chính (tỉ đồng)
	Bắt đầu	Kết thúc	Chính	Phối hợp			
1. Về đào tạo: Đến năm 2020, Trường Đại học Vinh có quy mô và chất lượng đào tạo đáp ứng nhu cầu nhân lực ngày càng cao của sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội, tiếp cận trình độ tiên tiến trong khu vực và trên thế giới.							
Mục tiêu 1: Phương thức đào tạo được đổi mới							
<i>Giải pháp 1.1:</i> Đa dạng hóa các phương thức tổ chức đào tạo nhằm đáp ứng nhu cầu học tập của người học theo những chuẩn mực thích hợp.	2011	2020	Phòng Đào tạo, Trung tâm Giáo dục thường xuyên, Khoa Đào tạo Sau đại học, Trường trung học phổ thông Chuyên	Các đơn vị	- Các phương thức tổ chức đào tạo: chính quy, vừa làm vừa học, từ xa, liên kết; các học phần: bắt buộc, tự chọn...	- Các chương trình đào tạo; - Báo cáo tuyển sinh hàng năm; - Giáo trình, tài liệu tham khảo.	35
<i>Giải pháp 1.2:</i> Thực hiện chế độ công nhận kết quả học tập của người học theo học phần, hoàn thiện phương thức đào tạo theo học chế	2011	2020	Phòng Đào tạo, Trung tâm đảm bảo chất lượng, Trung tâm Giáo dục	Các đơn vị	- Đánh giá kết quả học phần gồm các điểm bộ phận: chuyên cần, giữa kì, thi kết thúc học phần;	- Báo cáo của Nhà trường; - Phương pháp và kỹ thuật trắc	15

Kế hoạch chiến lược phát triển Trường Đại học Vinh giai đoạn 2011-2020

tín chỉ.			thường xuyên, Khoa Đào tạo Sau đại học, Trường trung học phổ thông Chuyên, các khoa		- Đánh giá kết quả tốt nghiệp: tổng số tín chỉ tích lũy + điểm trung bình chung tích lũy, điểm rèn luyện.	<ul style="list-style-type: none"> nhận, kiểm tra, đánh giá; - Bảng tổng hợp kết quả xét tốt nghiệp của sinh viên; - Ngân hàng đề thi học phần; - Kỹ yếu hội nghị, hội thảo về đào tạo theo hệ thống tín chỉ; - Các báo cáo điều tra khác. 	
<i>Giải pháp 1.3:</i> Đổi mới phương pháp dạy và học theo hướng phát triển năng lực tự học, tự nghiên cứu và làm việc nhóm của người học.	2011	2020	Phòng Đào tạo, Trung tâm Giáo dục thường xuyên, Khoa Đào tạo Sau đại học, các khoa	Các đơn vị	<ul style="list-style-type: none"> - Có kế hoạch dạy và học chi tiết theo tuần; - Giảng viên giao đề tài cụ thể cho sinh viên học nhóm; - Cung cấp hệ thống học liệu để sinh viên nghiên cứu trước và sau bài giảng; - Đẩy mạnh việc tự học của sinh viên; 	<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo của Nhà trường và các đơn vị; - Kỹ yếu hội nghị, hội thảo về đổi mới phương pháp dạy học; - Kế hoạch dạy học từng học kì, năm học của Trường, của các khoa. 	4,5

Kế hoạch chiến lược phát triển Trường Đại học Vinh giai đoạn 2011-2020

					- Tổ chức các hội nghị, hội thảo về đổi mới phương pháp dạy học.		
<i>Giải pháp 1.4:</i> Đa dạng hóa phương pháp và quy trình kiểm tra đánh giá, đảm bảo nghiêm túc, khách quan, chính xác, công bằng và phù hợp với phương thức đào tạo, hình thức học tập, đánh giá được mức độ tích lũy của người học về kiến thức chuyên môn, kỹ năng thực hành và năng lực phát hiện, giải quyết vấn đề.	2011	2020	Trung tâm Đảm bảo chất lượng, Phòng Đào tạo, Trung tâm Giáo dục thường xuyên, Khoa Đào tạo Sau đại học, Trường trung học phổ thông Chuyên, các khoa	Các đơn vị	- Kiểm tra đánh giá bằng trắc nghiệm khách quan trên máy tính và tự luận; - Kiểm tra chuyên cần, giữa kỳ; - Báo cáo thực tập, thực tế, tiểu luận, đồ án.	- Báo cáo của Nhà trường và các đơn vị; - Kỷ yếu hội nghị, hội thảo về kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của sinh viên.	12,5
<i>Giải pháp 1.5:</i> Thông báo công khai, kịp thời, lưu giữ đầy đủ, chính xác, an toàn kết quả học tập của người học. Cấp văn bằng tốt nghiệp và chứng chỉ học tập theo đúng quy định.	2011	2020	Phòng Đào tạo, Trung tâm Giáo dục thường xuyên, Trung tâm Đảm bảo chất lượng, Khoa Đào tạo Sau đại học, Trường trung học phổ thông Chuyên, các khoa	Các đơn vị	- Phần mềm quản lý đào tạo và kết quả học tập gồm nhiều mô đun; - Có website của Nhà trường và các đơn vị; - Sinh viên có account riêng để đăng kí học, theo dõi lịch học, lịch thi, kết quả học tập... - Bảng ghi kết quả học tập của sinh viên được	- Báo cáo của Nhà trường và các đơn vị; - Hệ thống sổ sách lưu giữ kết quả học tập của người học; - Kết quả học tập, rèn luyện của người học được công khai trên	15

Kế hoạch chiến lược phát triển Trường Đại học Vinh giai đoạn 2011-2020

					lưu giữ trên phần mềm quản lý đào tạo, lưu giữ bằng bản in và đĩa CD tại văn phòng các khoa, Phòng Đào tạo, Phòng Công tác chính trị - Học sinh, sinh viên và Trung tâm Đảm bảo chất lượng; - Văn bằng tốt nghiệp, chứng chỉ học tập được cấp đúng quy định.	website của Trường.	
Mục tiêu 2: Tăng cường các biện pháp hỗ trợ cải tiến nội dung, phương pháp dạy và học							
<i>Giải pháp 2.1:</i> Tăng cường ứng dụng công nghệ hiện đại và kỹ thuật tiên tiến vào quá trình dạy học.	2011	2020	Phòng Đào tạo, Phòng Quản lý Khoa học - Thiết bị, Phòng Quản trị, Trung tâm Thực hành - Thí nghiệm, các khoa	Các đơn vị	- Các phòng học, phòng thí nghiệm được trang bị thiết bị đa phương tiện hiện đại.	- Báo cáo của Nhà trường và các đơn vị; - Cơ sở vật chất và thiết bị tương ứng.	85
<i>Giải pháp 2.2:</i> Tăng cường nguồn học liệu; Biên soạn, nhập và biên dịch, xuất bản giáo trình; Lựa chọn sử dụng các giáo trình tiên tiến trên	2011	2020	Phòng Đào tạo, Nhà xuất bản Đại học Vinh, Trung tâm Thông tin - Thư	Các đơn vị	- 100% học phần có giáo trình chính và ít nhất 2 tài liệu tham khảo;	- Báo cáo của Nhà trường và các đơn vị; - Giáo trình, tài	55

Kế hoạch chiến lược phát triển Trường Đại học Vinh giai đoạn 2011-2020

thế giới.			viện, các khoa		- 50-70% học phần có giáo trình, tài liệu tham khảo điện tử; - Có giáo trình tiên tiến cho 8-10 ngành.	liệu phục vụ tại Trung tâm Thông tin - Thư viện.	
<i>Giải pháp 2.3:</i> Bổ sung trang thiết bị hỗ trợ giảng dạy ứng dụng các phương pháp tiên tiến.	2011	2020	Phòng Quản lý Khoa học - Thiết bị, Phòng Quản trị, các khoa	Các đơn vị	- Các phòng học, phòng thí nghiệm được trang bị thiết bị đa phương tiện.	- Báo cáo của Nhà trường và các đơn vị; - Hệ thống trang thiết bị tại phòng học.	120
<i>Giải pháp 2.4:</i> Bổ sung trang thiết bị thí nghiệm phục vụ quy trình đào tạo mới.	2011	2020	Phòng Quản lý Khoa học - Thiết bị, Trung tâm Thực hành - Thí nghiệm, các khoa	Các đơn vị	- Có đủ trang thiết bị để thực hiện 100% các bài thực hiện trong chương trình đào tạo. - Sinh viên được sử dụng phòng thí nghiệm để nghiên cứu khoa học, làm đề tài, luận văn.	- Báo cáo của Nhà trường và các đơn vị.	150
Mục tiêu 3: Mở thêm các ngành và các hệ đào tạo mới nhằm đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động							
<i>Giải pháp 3.1:</i> Mở thêm các hệ đào tạo văn bằng 2, đào tạo từ xa, đào tạo liên thông nhằm đáp ứng nhu	2011	2020	Phòng Đào tạo, Trung tâm Đào tạo từ xa và Quan hệ	Các đơn vị	- Số ngành đào tạo đại học được mở thêm: + Chính qui: 10;	- Các chương trình đào tạo; - Báo cáo tuyển	35

Kế hoạch chiến lược phát triển Trường Đại học Vinh giai đoạn 2011-2020

cầu nhân lực của khu vực và cả nước.			doanh nghiệp, các khoa đào tạo.		+ Văn bằng 2: 10; + Đào tạo từ xa: 15; + Đào tạo liên thông: 10; - Quy mô tuyển sinh: + Năm 2015: chính qui:16.000; vừa làm vừa học: 17.000; + Năm 2020: chính qui:17.500; vừa làm vừa học: 17.320.	sinh hàng năm; - Báo cáo của Nhà trường và các đơn vị.	
<i>Giải pháp 3.2:</i> Tăng cường, mở rộng đào tạo sau đại học nhằm đáp ứng nguồn nhân lực trình độ cao cho xã hội.	2011	2020	Khoa Đào tạo Sau đại học, các khoa đào tạo đại học	Các đơn vị	- Mở thêm: 10 mã ngành sau đại học; - Quy mô tuyển sinh sau đại học: + Năm 2015: ThS: 3.100; TS: 70; + Năm 2020: ThS: 3.300; TS: 80.	- Các chương trình đào tạo; - Báo cáo tuyển sinh hàng năm; - Báo cáo của Nhà trường.	60
<i>Giải pháp 3.3:</i> Tăng cường liên kết đào tạo quốc tế theo hình thức du học bán phần và toàn phần.	2011	2020	Phòng Đào tạo, Phòng Hợp tác Quốc tế, các khoa	Các đơn vị	- Số sinh viên quốc tế: 500; - Số chương trình và hình thức liên kết đào tạo: 5.	- Các chương trình đào tạo; - Biên bản ghi nhớ, hồ sơ hợp tác đào tạo;	125

Kế hoạch chiến lược phát triển Trường Đại học Vinh giai đoạn 2011-2020

						<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo tuyển sinh hàng năm; - Báo cáo của Nhà trường. 	
<i>Giải pháp 3.4:</i> Mở rộng nguồn tuyển theo nhu cầu xã hội, chú trọng các vùng miền, đồng bào dân tộc thiểu số; thực hiện các chế độ chính sách ưu tiên đối với học sinh, sinh viên dân tộc thiểu số nhằm tăng cường tỷ lệ học sinh giữa các vùng miền, tạo thêm cơ hội cho các đối tượng khó khăn.	2011	2020	Phòng Đào tạo, Trung tâm Đào tạo từ xa và Quan hệ doanh nghiệp, các khoa	các đơn vị khác	<ul style="list-style-type: none"> - Số cơ sở giáo dục đào tạo và doanh nghiệp có liên kết đào tạo: 50; - Tỷ lệ sinh viên là người dân tộc thiểu số: 7%; - Đảm bảo chế độ chính sách ưu tiên đối với học sinh, sinh viên dân tộc thiểu số và học sinh, sinh viên có hoàn cảnh khó khăn. 	<ul style="list-style-type: none"> - Các chương trình đào tạo; - Hồ sơ liên kết đào tạo; - Báo cáo tuyển sinh hàng năm; - Báo cáo của Nhà trường và các đơn vị. 	68
3.3.2. Về nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ							
Đến năm 2020, Trường Đại học Vinh trở thành trung tâm nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ, triển khai ứng dụng có uy tín. Hoạt động khoa học và công nghệ góp phần nâng cao chất lượng đào tạo, giải quyết những vấn đề thực tiễn, tăng nguồn thu cho Nhà trường.							
Mục tiêu 1: Tăng nguồn lực và nâng cao hiệu quả hoạt động khoa học công nghệ. Nâng tỷ trọng nguồn thu từ nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ, phục vụ sản xuất lên 15% trong tổng nguồn thu của Trường							
<i>Giải pháp 1.1:</i> Nâng cao năng lực nghiên cứu khoa học, tư vấn và triển khai ứng dụng của đội ngũ giảng	2011	2020	Phòng Quản lý Khoa học - Thiết bị, các khoa đào tạo đại	các đơn vị khác	- Hàng năm tổ chức trao đổi, tập huấn về phương pháp nghiên	- Báo cáo tổng kết kết quả hoạt động khoa học công	55,5

Kế hoạch chiến lược phát triển Trường Đại học Vinh giai đoạn 2011-2020

viên.			học		<p>cứu khoa học;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các khoa, trung tâm tổ chức sinh hoạt khoa học định kỳ 1 lần / tháng; - Hàng năm có 70% giảng viên tham gia hội thảo, hội nghị khoa học; - Các khoa, trung tâm có quan hệ hợp tác về khoa học với các đơn vị ngoài trường. 	<p>nghệ;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kỹ yếu hội nghị, hội thảo về nghiên cứu khoa học và chuyên giao công nghệ; - Các công trình nghiên cứu. 	
<p><i>Giải pháp 1.2:</i> Hình thành một số hướng nghiên cứu mũi nhọn. Tạo điều kiện để cán bộ trẻ, người học tham gia nghiên cứu khoa học. Khuyến khích công bố kết quả nghiên cứu trên các tạp chí khoa học quốc tế có uy tín.</p>	2011	2020	Phòng Quản lý Khoa học - Thiết bị, các khoa đào tạo đại học	<p>các đơn vị khác</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Các hướng nghiên cứu: điện tử - tự động hóa, công nghệ thông tin, công nghệ vật liệu mới và xây dựng, công nghệ thực phẩm, sinh học, giải tích, xác suất thống kê, đại số; - Số bài báo công bố trên tạp chí quốc tế: 20 bài / năm; - Số cán bộ trẻ được cử tham dự hội thảo quốc 	<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo tổng kết kết quả hoạt động khoa học công nghệ; - Kỹ yếu hội nghị, hội thảo quốc gia, quốc tế; - Các công trình nghiên cứu. 	65

Kế hoạch chiến lược phát triển Trường Đại học Vinh giai đoạn 2011-2020

					tế: 15 người / năm; đi thực tập khoa học ngoài nước: 10 người / năm.		
<i>Giải pháp 1.3:</i> Tạo điều kiện để các nhà khoa học tham gia nghiên cứu, tư vấn và chuyển giao công nghệ. Đẩy mạnh hợp tác trong hoạt động nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ.	2011	2020	Phòng Quản lý Khoa học - Thiết bị, Phòng Kế hoạch - Tài chính, Phòng Tổ chức cán bộ	các khoa	- Số đề tài cấp cơ sở tiếp cận với các hướng chuyển giao công nghệ: 30 đề tài /năm; - Số đề tài liên kết ngoài trường: 10 đề tài / năm.	- Báo cáo tổng kết kết quả hoạt động khoa học công nghệ; - Các văn bản quy định của Trường về chế độ, chính sách cho cán bộ nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ;	75
<i>Giải pháp 1.4:</i> Tăng cường đầu tư trang thiết bị phục vụ nghiên cứu khoa học từ các nguồn đầu tư khác nhau.	2011	2020	Phòng Quản lý Khoa học - Thiết bị, Phòng Kế hoạch - Tài chính	Các phòng ban, trung tâm	- Nâng cấp 86 phòng thí nghiệm hiện có; - Đầu tư 5 phòng thí nghiệm trọng điểm thuộc các lĩnh vực: điện tử - tự động hóa, công nghệ thông tin, công nghệ vật liệu mới và xây dựng, công nghệ	- Báo cáo tổng kết kết quả hoạt động khoa học công nghệ; - Hồ sơ bổ sung, đầu tư trang thiết bị; - Hệ thống trang thiết bị thực hành,	135

Kế hoạch chiến lược phát triển Trường Đại học Vinh giai đoạn 2011-2020

					thực phẩm, sinh học... - Giá trị tài sản, trang thiết bị hàng năm tăng thêm 7%;	thí nghiệm.	
Mục tiêu 2: Hướng hoạt động nghiên cứu khoa học vào nâng cao chất lượng đào tạo. Đẩy mạnh nghiên cứu khoa học cơ bản, khoa học ứng dụng, khoa học giáo dục							
<i>Giải pháp 2.1:</i> Xây dựng thể chế, chính sách về nhiệm vụ nghiên cứu của giảng viên, chính sách thu hút cán bộ có trình độ cao từ các cơ quan bên ngoài tham gia công tác đào tạo và nghiên cứu khoa học ở Trường.	2011	2020	Phòng Quản lý Khoa học - Thiết bị, Phòng Tổ chức cán bộ	Các đơn vị	- Quy chế quản lý hoạt động khoa học công nghệ của Trường; - Quy chế thu hút cán bộ có trình độ cao; - Quy chế khen thưởng cán bộ có công bố bài báo trên tạp chí quốc tế, có công trình đăng kí sở hữu trí tuệ.	- Báo cáo tổng kết kết quả hoạt động khoa học công nghệ; - Văn bản quy định của Hiệu trưởng.	15,5
<i>Giải pháp 2.2:</i> Đẩy mạnh nghiên cứu khoa học giáo dục; khuyến khích nghiên cứu triển khai ứng dụng.	2011	2020	Các khoa đào tạo	Các phòng ban liên quan	- Số đề tài về các giải pháp nâng cao chất lượng giáo dục đào tạo: 15 đề tài / năm ; - Số đề tài triển khai ứng dụng: 10 đề tài / năm; - Số chương trình tiên tiến: 5.	- Báo cáo tổng kết kết quả hoạt động khoa học công nghệ; - Các đề tài, tạp chí khoa học.	30

Kế hoạch chiến lược phát triển Trường Đại học Vinh giai đoạn 2011-2020

<i>Giải pháp 2.3:</i> Xây dựng chính sách phù hợp, tạo điều kiện để người học tham gia nghiên cứu khoa học.	2011	2020	Phòng Quản lý Khoa học - Thiết bị, Phòng Đào tạo	Các khoa, phòng ban	- Số đề tài nghiên cứu khoa học của SV: 70 đề tài / năm. - Kinh phí đề tài nghiên cứu khoa học của SV: 2 triệu đồng / đề tài.	- Báo cáo tổng kết kết quả hoạt động khoa học công nghệ; - Văn bản quy định của Trường.	18
Mục tiêu 3: Thiết lập được mối liên kết nghiên cứu giữa Nhà trường và khu vực sản xuất nhằm gắn kết đào tạo, nghiên cứu khoa học với thực tiễn, nâng cao hiệu quả phục vụ kinh tế - xã hội.							
<i>Giải pháp 3.1:</i> Xây dựng một số trung tâm nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ mạnh, tiến tới hình thành các doanh nghiệp khoa học và công nghệ trong Trường.	2011	2020	Phòng Tổ chức Cán bộ	Các khoa, phòng ban	- Các trung tâm nghiên cứu khoa học và chuyển giao được xây dựng mới: + Công nghệ thực phẩm; + Công nghệ vật liệu mới và xây dựng; + Điện tử - tự động hóa, công nghệ thông tin.	- Báo cáo tổng kết kết quả hoạt động khoa học công nghệ.	120
<i>Giải pháp 3.2:</i> Tăng cường đầu tư cho hoạt động nghiên cứu và chuyển giao công nghệ về các lĩnh vực: công nghệ thông tin - truyền thông,	2011	2020	Phòng Kế hoạch - Tài chính	Phòng Quản lý Khoa học -	- Nguồn tài chính nghiên cứu hàng năm tăng 20%; - Nguồn tài chính ngoài	- Báo cáo tổng kết kết quả hoạt động khoa học công nghệ;	50

Kế hoạch chiến lược phát triển Trường Đại học Vinh giai đoạn 2011-2020

công nghệ sinh học, vật liệu mới...				Thiết bị, các khoa	ngân sách chiếm 20 %; - Số cán bộ khoa học giỏi: 5 người / lĩnh vực.	- Số đề tài, hợp đồng, bài báo; - Báo cáo tài chính phục vụ nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ hàng năm, 5 năm.	
3.3.3. Về tổ chức và nhân sự							
Đến năm 2020, Trường Đại học Vinh trở thành trường đại học trọng điểm, có cơ cấu hợp lý, có đội ngũ cán bộ đủ về số lượng, đảm bảo chất lượng.							
Mục tiêu 1: Đẩy mạnh cải cách hành chính, đổi mới cơ chế quản lý							
<i>Giải pháp 1.1:</i> Hoàn thiện cơ cấu tổ chức, nhân sự; xây dựng chức năng nhiệm vụ, quy trình giải quyết công việc, nguyên tắc phối kết hợp giữa các tổ chức và cá nhân để tạo sự năng động, đồng bộ và hiệu quả trong điều hành quản lý Nhà trường.	2011	2020	Ban Giám hiệu, Phòng Tổ chức Cán bộ	Các đơn vị	- Quy chế tổ chức và hoạt động, Quy định về chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị.	- Các văn bản, quy chế, quy định được ban hành; - Báo cáo của Nhà trường.	8,5
<i>Giải pháp 1.2:</i> Tiếp tục thực hiện dân chủ hóa Nhà trường trên cả ba phương diện: hoạch định chính sách, tổ chức thực hiện, kiểm tra đánh giá.	2011	2020	Ban Giám hiệu, Phòng Tổ chức Cán bộ	Các đơn vị	- Ban hành cơ chế quản lý phù hợp; - Cơ chế phối hợp hoạt động giữa các đơn vị; - Thực hiện công khai 3	- Báo cáo của Nhà trường; - Các văn bản, quy chế, quy định được ban hành;	4,5

Kế hoạch chiến lược phát triển Trường Đại học Vinh giai đoạn 2011-2020

					nội dung: cam kết chất lượng giáo dục và chất lượng giáo dục thực tế; điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục và thu, chi tài chính.		
<i>Giải pháp 1.3:</i> Đẩy mạnh cải cách hành chính, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý hành chính, hoàn thành xây dựng nhà trường điện tử nhằm nâng cao hiệu lực quản lý.	2011	2020	Ban Giám hiệu, Phòng Tổ chức Cán bộ	Các đơn vị	- Ban hành cơ chế quản lý phù hợp; - Sử dụng hiệu quả eOffice và các phần mềm quản lý; - Tin học hóa các hoạt động quản lý, tổ chức thực hiện.	- Báo cáo của Nhà trường; - Các văn bản, quy định của Trường.	36
Mục tiêu 2: Xây dựng đội ngũ cán bộ quản lý, giảng viên và nhân viên có phẩm chất đạo đức tốt, có ý thức trách nhiệm và trình độ chuyên môn cao, có phong cách giảng dạy, làm việc chuyên nghiệp							
<i>Giải pháp 2.1:</i> Có kế hoạch tuyển dụng, bồi dưỡng và phát triển đội ngũ giảng viên và nhân viên, quy hoạch bổ nhiệm cán bộ quản lý đáp ứng mục tiêu, chức năng, nhiệm vụ và phù hợp với điều kiện cụ thể của nhà trường; xây dựng quy trình, tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm rõ ràng,	2011	2020	Ban Giám hiệu, Phòng Tổ chức Cán bộ	Các đơn vị	- Có các văn bản về thủ tục, quy trình tuyển dụng, bổ nhiệm, đào tạo, bồi dưỡng phù hợp; - Đảm bảo quy mô đội ngũ giảng viên và cán bộ quản lý; - Các đơn vị có số	- Báo cáo của Nhà trường; - Kế hoạch tuyển dụng cán bộ, công chức, viên chức hàng năm, 5 năm.	45,5

Kế hoạch chiến lược phát triển Trường Đại học Vinh giai đoạn 2011-2020

minh bạch.					lượng và cơ cấu nhân lực phù hợp; - Đảm bảo tỉ lệ học viên / giảng viên ; - Đảm bảo tỉ lệ cán bộ quản lí / sinh viên.		
<i>Giải pháp 2.2:</i> Đẩy mạnh dân chủ hóa nhà trường, thực hiện tốt các quyền và nghĩa vụ của đội ngũ cán bộ quản lý, giảng viên và nhân viên.	2011	2020	Ban Giám hiệu, Phòng Tổ chức Cán bộ	Các đơn vị	- Xây dựng và ban hành hệ thống văn bản đảm bảo thực hiện tốt dân chủ hóa nhà trường. - Có chính sách hỗ trợ đời sống cán bộ, công chức, viên chức.	- Các văn bản, quy định của Trường.	90
<i>Giải pháp 2.3:</i> Đẩy mạnh đào tạo, bồi dưỡng lí luận chính trị, phẩm chất đạo đức, năng lực quản lý, chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý.	2011	2020	Ban Giám hiệu, Phòng Tổ chức Cán bộ	Các đơn vị	- Có kế hoạch, phương pháp đào tạo, bồi dưỡng phù hợp. - Tổ chức các khóa đào tạo.	- Báo cáo của Nhà trường.	45
<i>Giải pháp 2.4:</i> Xây dựng đội ngũ giảng viên cơ hữu đủ số lượng, đảm bảo chất lượng, phù hợp về cơ cấu để thực hiện chương trình đào tạo và	2011	2020	Ban Giám hiệu, Phòng Tổ chức Cán bộ	Các đơn vị	- Tỉ lệ giảng viên có học vị tiến sĩ tăng 5% năm; - Tỉ lệ giảng viên có	- Báo cáo của Nhà trường.	85

Kế hoạch chiến lược phát triển Trường Đại học Vinh giai đoạn 2011-2020

nghiên cứu khoa học.					học hàm phó giáo sư tăng 5% năm.		
<i>Giải pháp 2.5:</i> Nâng cao trình độ chuyên môn, ngoại ngữ và tin học cho đội ngũ giảng viên, nhân viên nhằm đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ đào tạo và nghiên cứu khoa học.	2011	2020	Ban Giám hiệu, Phòng Tổ chức Cán bộ	Các đơn vị	- Có kế hoạch, phương pháp đào tạo, bồi dưỡng phù hợp; - Tổ chức các khóa đào tạo.	- Báo cáo của Nhà trường.	40
<i>Giải pháp 2.6:</i> Có kế hoạch và phương pháp đánh giá khoa học hoạt động giảng dạy; chú trọng triển khai đổi mới phương pháp giảng dạy, phương pháp đánh giá kết quả học tập.	2011	2020	Ban Giám hiệu, Phòng Tổ chức Cán bộ	Các đơn vị	- Xây dựng và ban hành bộ công cụ đánh giá lao động của cá nhân, tập thể.	- Báo cáo của Nhà trường.	18
3.3.4. Về cơ sở vật chất							
Mục tiêu 1: Xây dựng được hệ thống cơ sở vật chất đồng bộ, từng bước hiện đại đáp ứng quy mô đào tạo 35.000 học sinh, sinh viên, học viên vào năm 2020							
<i>Giải pháp 1.1:</i> Xây dựng quy hoạch tổng thể về phát triển và sử dụng cơ sở vật chất của Trường đến năm 2020.	2011	2020	Ban Giám hiệu, Ban Quản lí các dự án xây dựng	Các đơn vị	- Đề án quy hoạch phát triển tổng thể Trường được phê duyệt.	- Quyết định phê duyệt của cơ quan có thẩm quyền; - Hồ sơ thiết kế, quy hoạch; - Báo cáo của Nhà trường.	25

Kế hoạch chiến lược phát triển Trường Đại học Vinh giai đoạn 2011-2020

<p><i>Giải pháp 1.2:</i> Tiếp tục hoàn thiện việc đầu tư xây dựng cơ bản theo quy hoạch tổng thể của Trường để hình thành hệ thống giảng đường, nhà làm việc, ký túc xá, các công trình phụ trợ đồng bộ, đáp ứng quy mô đào tạo.</p>	2011	2020	Ban Giám hiệu, Ban Quản lí các dự án xây dựng	Các đơn vị	<ul style="list-style-type: none"> - Diện tích phòng làm việc: 35.000 m²; - Diện tích giảng đường: 120.000 m²; - Diện tích phòng thí nghiệm: 25.000 m²; - Ký túc xá: 120.000 m²; - Các công trình xây mới: nhà làm việc, hội trường, thư viện, trung tâm điều hành Trường; các khoa: Xây dựng, Kinh tế; Khôi các trường và trung tâm thực hành; các trung tâm: giáo dục quốc phòng, giáo dục thể chất; khu nhà ở sinh viên; - Xây dựng hạ tầng kỹ thuật đồng bộ (giao thông, cấp thoát nước, điện, thông tin liên lạc). 	<ul style="list-style-type: none"> - Các chương trình, dự án, quyết định đầu tư được phê duyệt; - Các hồ sơ kỹ thuật; - Báo cáo của Nhà trường. 	1.650
--	------	------	---	------------	---	--	-------

Kế hoạch chiến lược phát triển Trường Đại học Vinh giai đoạn 2011-2020

Mục tiêu 2: Tiếp tục hoàn thiện hệ thống trang thiết bị thực hành, thí nghiệm, hạ tầng kĩ thuật đáp ứng nhu cầu đào tạo và nghiên cứu khoa học; Xây dựng và phát triển hệ thống thông tin thống nhất trong toàn trường nhằm tin học hoá các hoạt động của Nhà trường							
<i>Giải pháp 2.1:</i> Xây dựng Trung tâm Thực hành - Thí nghiệm với hệ thống trang thiết bị đồng bộ, hiện đại phục vụ đào tạo và nghiên cứu khoa học; ưu tiên xây dựng các phòng thí nghiệm cho các ngành đào tạo mũi nhọn: điện tử - tự động hóa, công nghệ thông tin, công nghệ vật liệu mới và xây dựng, công nghệ thực phẩm, sinh học...	2011	2020	Ban Giám hiệu, Ban quản lí các dự án xây dựng, Trung tâm Thực hành - Thí nghiệm	Các đơn vị	<ul style="list-style-type: none"> - Nâng cấp 86 phòng thí nghiệm hiện có; - Đầu tư 5 phòng thí nghiệm trọng điểm thuộc các lĩnh vực điện tử - tự động hóa, công nghệ thông tin, công nghệ vật liệu mới và xây dựng, công nghệ thực phẩm, sinh học... 	<ul style="list-style-type: none"> - Các hồ sơ kĩ thuật; - Báo cáo về cơ sở vật chất của Nhà trường; - Các dự án, kế hoạch mua sắm được phê duyệt. 	350
<i>Giải pháp 2.2:</i> Xây dựng và phát triển hệ thống thông tin thống nhất trong toàn trường hướng tới các tiêu chí tiên tiến, đồng bộ và hiệu quả nhằm tin học hoá các hoạt động của Nhà trường.	2011	2020	Ban Giám hiệu, Phòng Quản lí Khoa học - Thiết bị	Các đơn vị	<ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng hệ thống phần mềm quản lí thống nhất sử dụng chung toàn trường và đưa cổng thông tin điện tử vào sử dụng. - Sử dụng hiệu quả eOffice; - Các phần mềm quản lí đào tạo, nghiên cứu khoa học, tài chính; - Mạng LAN, WAN tra 	<ul style="list-style-type: none"> - Các hồ sơ kĩ thuật; - Báo cáo về cơ sở vật chất của Nhà trường; - Các dự án, kế hoạch mua sắm được phê duyệt. 	

Kế hoạch chiến lược phát triển Trường Đại học Vinh giai đoạn 2011-2020

					cứ thông tin thư viện.		
<i>Giải pháp 2.3:</i> Hiện đại hoá hệ thống thiết bị dạy học phục vụ tốt công tác đào tạo.	2011	2020	Ban Giám hiệu, Phòng Quản lý Khoa học – Thiết bị	Các đơn vị	- Trang bị thiết bị đa phương tiện đồng bộ cho tất cả các phòng học, phòng thí nghiệm.	- Các hồ sơ kỹ thuật; - Báo cáo về cơ sở vật chất của Nhà trường.	90
<i>Giải pháp 2.4:</i> Hiện đại hoá Trung tâm Thông tin - Thư viện nhằm đáp ứng tốt nhu cầu của học sinh, sinh viên, học viên và giảng viên.	2011	2020	Ban Giám hiệu, Trung tâm Thông tin - Thư viện	Các đơn vị	- Nâng cấp thư viện hiện có: 9.000 m ² ; - Xây mới: 9.000 m ² ; - Xây dựng thư viện số; - Số chỗ ngồi: 4.000; - Số đầu sách, tạp chí: 35.000; - Số cơ sở dữ liệu: 50.000; - Số bản: 500.000.	- Các hồ sơ kỹ thuật; - Các dự án, kế hoạch mua sắm được phê duyệt; - Báo cáo về nguồn lực thông tin của Thư viện, người sử dụng.	150
<i>Giải pháp 2.5:</i> Quản lý và sử dụng có hiệu quả hệ thống cơ sở vật chất – thiết bị.	2011	2020	Ban Giám hiệu, Phòng Quản lý Khoa học - Thiết bị, Phòng Quản trị	Các đơn vị	- Xây dựng được hệ thống văn bản về quản lý và sử dụng cơ sở vật chất; - Kiểm tra, đánh giá hiệu quả quản lý, sử dụng theo từng tháng;	- Hệ thống văn bản về quản lý và sử dụng cơ sở vật chất; - Báo cáo của Nhà trường.	27

Kế hoạch chiến lược phát triển Trường Đại học Vinh giai đoạn 2011-2020

					<ul style="list-style-type: none"> - Thống nhất quản lý thiết bị để phát huy tốt hiệu quả sử dụng. - Các phần mềm quản lý cơ sở vật chất. 		
3.3.5. Về công tác kế hoạch - tài chính							
Mục tiêu: Tăng cường khai thác và đa dạng hoá các nguồn thu, nguồn lực đầu tư; đảm bảo tính kế hoạch, hiệu quả, minh bạch trong điều hành ngân sách							
<i>Giải pháp 1:</i> Sử dụng hiệu quả nguồn đầu tư từ ngân sách nhà nước; nâng cao khả năng tự chủ về tài chính, tạo các nguồn tài chính hợp pháp, đáp ứng các hoạt động của trường.	2011	2020	Ban Giám hiệu, Phòng Kế hoạch - Tài chính	Các đơn vị	<ul style="list-style-type: none"> - Giá trị tài sản, trang thiết bị hàng năm tăng thêm 7%; - Khả năng tự chủ về tài chính năm sau cao hơn năm trước 5%; - Các hoạt động đoàn thể, phúc lợi hàng năm được tăng lên bình quân năm sau tăng hơn năm trước 15%... 	<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo tài chính. - Các báo cáo về chỉ số tăng trưởng. 	28
<i>Giải pháp 2:</i> Chuẩn hóa, công khai	2011	2020	Ban Giám hiệu, Phòng	Các đơn	- Các định mức	- Dự toán phân	25,5

Kế hoạch chiến lược phát triển Trường Đại học Vinh giai đoạn 2011-2020

hóa, minh bạch và tuân thủ các quy định về lập kế hoạch và quản lý tài chính.			Kế hoạch – Tài chính	vị	và thông tin về tài chính được công khai 1 tháng 1 lần; - Phần mềm lập và quản lý dự toán. - Kế hoạch được lập cụ thể, chi tiết đến từng bộ phận; - Nội dung, nhiệm vụ cụ thể, chi tiết theo kế hoạch tuần, tháng, năm.	bổ tài chính; - Các kế hoạch đào tạo, nghiên cứu khoa học, xây dựng cơ sở vật chất, nhân sự, tài chính; - Hệ thống các văn bản về định mức tài chính. - Báo cáo tài chính.	
<i>Giải pháp 3:</i> Đảm bảo sự phân bổ, sử dụng tài chính hợp lý, minh bạch và hiệu quả cho các đơn vị và các hoạt động của trường.	2011	2020	Ban Giám hiệu, Phòng Kế hoạch - Tài chính	Các đơn vị	- Ngày càng ưu tiên đầu tư cho cơ sở vật chất và chi đầu tư phát triển; giảm chi thường xuyên và chi cho con người; - Chi đầu tư cơ sở vật chất tăng bình quân hàng năm 5-10%;	- Dự toán phân bổ tài chính; - Các kế hoạch đào tạo, nghiên cứu khoa học, xây dựng cơ sở vật chất, nhân sự, tài chính; - Báo cáo tài chính.	800

Kế hoạch chiến lược phát triển Trường Đại học Vinh giai đoạn 2011-2020

					<ul style="list-style-type: none"> - Chi đầu tư phát triển tăng bình quân hàng năm 10-15%; - Chi cho đào tạo cán bộ tăng từ 15-25%; - Chi trực tiếp cho con người và công tác phí giảm 5-10%. 		
<i>Giải pháp 4:</i> Hoàn thiện hệ thống văn bản quy định về quản lý và sử dụng tài chính chi tiết, rõ ràng, công khai minh bạch.	2011	2020	Ban Giám hiệu, Phòng Kế hoạch - Tài chính	Các đơn vị	<ul style="list-style-type: none"> - Các chế độ tài chính được công khai minh bạch, chi tiết đến 90% ; - Công khai 100% định mức chi; - Quản lý theo phần mềm. 	<ul style="list-style-type: none"> - Hệ thống báo cáo tài chính định kỳ, báo cáo công khai, báo cáo cấp trên; - Hệ thống văn bản về quản lý, sử dụng tài chính của Trường. 	20,5
Tổng cộng nhu cầu kinh phí (tỉ đồng):							4.882,5